

Số: 01 /NQ-PLC-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày

25/05/2020



NGHỊ QUYẾT
Đại Hội đồng cổ đông thường niên 2020
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13, thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2015;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 được Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 9, thông qua ngày 29/6/2006, có hiệu lực từ ngày 01/01/2007 và các văn bản Pháp luật khác về Chứng khoán, Thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP;
- Căn cứ nội dung Chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên 2020 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP ngày 25/05/2020;
- Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên 2020 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex CTCP ngày 25/05/2020,

QUYẾT NGHỊ:

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (PLC) nhất trí thông qua:

1. Báo cáo của Ban Kiểm soát PLC năm 2019 (chi tiết đính kèm);
2. Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của PLC (Chi tiết đính kèm);
3. Báo cáo của HĐQT PLC năm 2019 (chi tiết đính kèm);
4. Báo cáo Quyết toán QTL và thù lao của các Thành viên HĐQT và KSV PLC năm 2019 :
 - Tổng tiền thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của HĐQT là: **2.300.224.000 đồng**
 - Tổng tiền thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của BKS là: **1.129.647.000 đồng**
5. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019, với một số chỉ tiêu cơ bản sau :

| TT | Chỉ tiêu | Số tiền (VNĐ) |
|----|--|-----------------|
| 1 | Lợi nhuận thực hiện 2019 | 185.361.154.985 |
| 2 | Thuế TNDN | 40.196.993.033 |
| | <i>Tr.đó: Thuế TNDN khác phát sinh</i> | 3.448.123.216 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế phân phối | 143.060.827.140 |
| 4 | Chia cổ tức | 121.196.349.000 |
| 5 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 8.796.458.425 |
| 6 | Quỹ thưởng BQL điều hành Tcty | 508.903.083 |
| 7 | Quỹ đầu tư phát triển | 12.559.116.631 |

6. Kế hoạch SXKD năm 2020 của PLC (chi tiết đính kèm) với một số chỉ tiêu cơ bản sau :

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện năm 2019 | Kế hoạch năm 2020 | KH 2020/TH 2019 |
|----|--------------------|---------|---------------------------|--------------------|-----------------|
| 1 | Sản lượng | Tấn; m3 | 386.769 | 345.855 | 89,42% |
| 2 | Doanh thu thuần | Triệu đ | 6.160.046 | 5.016.292 | 81,43% |
| 3 | Tổng LN trước thuế | Triệu đ | 185.361 | 138.000 | 74,45% |
| 4 | Tổng LN sau thuế | Triệu đ | 145.164 | 109.500 | 75,43% |
| 5 | Tỷ suất LNST/VCSH | % | 11,04% | 8,45% | 76,51% |
| 6 | Tỷ suất LNST/VĐL | % | 17,97% | 13,55% | 75,43% |
| 7 | Tỷ lệ chia cổ tức | % | Chia cổ tức 15% bằng tiền | Tối thiểu 80% LNST | |

7. Phương án trả thù lao cho các Thành viên HĐQT và các Thành viên BKS PLC năm 2020 :

- Tổng QTL và thù lao của HĐQT năm 2020 được hưởng là: **2.130 tỷ đồng.**
- Tổng QTL và thù lao của BKS năm 2020 được hưởng là: **1.090 tỷ đồng.**

8. Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính PLC năm 2020: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty lựa chọn một trong những đơn vị dưới đây thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Tổng công ty, đó là :

- Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG)
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte)
- Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam
- Công ty TNHH PWC Việt Nam

9. Danh sách trúng cử bổ sung Thành viên HĐQT PLC nhiệm kỳ 2019 - 2024, gồm có:

1. Ông Nguyễn Thanh Khương
2. Ông Trần Tuấn Linh

Hội đồng quản trị mới trúng cử đã họp và thống nhất: Bầu ông Đỗ Hữu Tạo làm Chủ tịch Hội đồng quản trị kể từ ngày 25/05/2020.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 25/05/2020.

CHỦ TỌA

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP**

Nơi nhận:

- UBCKNN (thay b/c);
- Sở GD&ĐT Hà Nội (công bố TT);
- TT Lưu ký CKVN (công bố TT);
- Công bố thông tin trên Website PLC;
- HĐQT TCTXDVN (thay b/c);
- Các TV, HĐQT PLC (để chỉ đạo T/h);
- Các KSV PLC (để kiểm soát);
- Ban TGĐ PLC (để tổ chức T/h);
- HĐTV Cty ND (để tổ chức T/h);
- HĐTV Cty HC (để tổ chức T/h);
- Lưu VT, HĐQT PLC.



PHẠM BÁ NHUẬN



PETROLIMEX

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2020

**BIÊN BẢN HỌP**
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Hôm nay, ngày 25 tháng 5 năm 2020 vào hồi 13h30 tại Hội trường tầng 4 - Trung tâm Hội nghị Mipecc Palace, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, Hà Nội Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP, mã số doanh nghiệp 0101463614 Trụ sở chính : Tầng 18&19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, Hà Nội Đã tiến hành trọng thể Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020, với các nội dung như sau :

PHẦN THỨ NHẤT
CÁC THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Thành phần tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 Tổng công ty, gồm có:
 - 1.1 Đại biểu mời tham dự :
 - Cổ đông chi phối : Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
 - Đại diện đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019 - KPMG Việt Nam
 - 1.2 Cổ đông và Đại diện cổ đông dự họp : Theo nội dung của Điểm 2.2, mục 2 Biên bản này.
2. ĐHĐCĐ thường niên 2020 đã nghe bà Nguyễn Thị Hương Thảo - Trưởng Ban kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và Đại diện Cổ đông - công bố kết quả kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp như sau :
 - 2.1. Tổng số cổ phần do Cổ đông và Đại diện cổ đông tham dự Đại hội sở hữu là 67.840.926 cổ phần, chiếm tỷ lệ 83,96 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trong đó: Đại diện của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam là Cổ đông chi phối: có 06 người, đại diện cho số cổ phần là 63.889.259 cổ phần, chiếm tỷ lệ 79,07% tổng số cổ phần của Cổ đông và Đại diện cổ đông dự họp; Các cổ đông đăng ký thực hiện biểu quyết từ xa có tổng số cổ phần là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần của Cổ đông và Đại diện cổ đông dự họp. Các cổ đông và Đại diện cổ đông còn lại tham dự trực tiếp tại ĐHĐCĐ, đại diện cho tổng số cổ phần là: 3.951.667 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5,82 % tổng số cổ phần của Cổ đông và Đại diện cổ đông dự họp; Số cổ đông không trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020; không uỷ quyền cử đại diện đến dự; không thực hiện biểu quyết từ xa có tổng số cổ phần là 12.957.913 cổ phần, chiếm tỷ lệ 16,04 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - Với số Cổ đông và Đại diện cổ đông tham dự Đại hội vào giờ Khai mạc Đại hội, đại diện cho 67.840.926 cổ phần, chiếm tỷ lệ 83,96 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 68 năm 2014 và Điều lệ Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex đã hội đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

- 2.2. Trong quá trình Đại hội tiến hành, các Cổ đông đến dự sau giờ Khai mạc sẽ được tiếp tục đăng ký kiểm tra xác nhận và có quyền biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Ban Kiểm tra tiếp tục làm việc và thông báo bổ sung với Đoàn Chủ tịch để thông báo tới Đại hội.
- 2.3. Số Cổ đông và Đại diện Cổ đông thực tế dự họp vào thời điểm biểu quyết các nội dung của Đại hội đại diện sở hữu 67.874.555 cổ phần tương đương 84,00 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
(Báo cáo Kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và Đại diện Cổ đông thực tế dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2020 Tổng công ty - đính kèm).
Theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2020 đã hội đủ các điều kiện để tiến hành. Các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp có quyền biểu quyết các nội dung văn kiện đại hội theo số cổ phần PLC mà họ sở hữu hoặc đại diện sở hữu;
3. **Đoàn Chủ tịch và Ban Thư ký ĐHĐCĐ:** Theo quy định của Điều lệ PLC, Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập. Ông Phạm Bá Nhuận Chủ tịch HĐQT PLC - Chủ tọa ĐHĐCĐ đã giới thiệu và Đại hội đã nhất trí thông qua nhân sự tham gia Đoàn chủ tịch và Ban Thư ký Đại hội với tỷ lệ 100%, gồm có các Ông (Bà) sau:
- 3.1 Đoàn Chủ tịch gồm có :
- Ông Phạm Bá Nhuận: Chủ tịch HĐQT PLC - Chủ tọa ĐHĐCĐ;
 - Ông Nguyễn Văn Đức: Tổng Giám đốc PLC - Thành viên Đoàn chủ tịch;
- 3.2 Ban Thư ký ĐHĐCĐ gồm có :
- Bà Trần Diễm Hồng : Người phụ trách quản trị Tổng công ty, Cổ đông cá nhân;
 - Ông Nguyễn Văn Ngọc là Cổ đông cá nhân.
4. **Chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên 2020** do ông Phạm Bá Nhuận trình bày được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ là **100%**;
5. **Thê lệ biểu quyết các văn kiện tại ĐHĐCĐ thường niên 2020** do ông Phạm Bá Nhuận trình bày được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ là 100%. Trong đó, nguyên tắc thực hiện quyền biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết. Một (01) cổ phần biểu quyết tương đương với 01 điểm. Các quyết định tại ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại điều 21 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex.

PHẦN THỨ HAI

CÁC TÀI LIỆU ĐƯỢC ĐHĐCĐ THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA

1. Đại hội đã tham gia ý kiến vào **Báo cáo của HĐQT Tổng công ty PLC năm 2019** (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 67.874.555 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua Báo cáo này;
2. Đại hội đã tham gia ý kiến vào **Báo cáo của Ban kiểm soát Tổng công ty năm 2019** (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 67.874.555 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua Báo cáo này;
3. Đại hội đã tham gia ý kiến vào **Tờ trình Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính Tổng công ty PLC năm 2020** (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với

67.874.555 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua Báo cáo này;

4. Đại hội đã tham gia ý kiến vào **Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Tổng công ty PLC** (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 67.874.555 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua này;
5. Đại hội đã tham gia ý kiến vào **Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận và mức chia cổ tức năm 2019** (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 67.874.555 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua Báo cáo này;
6. Đại hội đã tham gia ý kiến vào **Tờ trình Kế hoạch SXKD năm 2020 của PLC** (báo cáo đính kèm) với các chỉ tiêu chủ yếu như sau :

| TT | CHỈ TIÊU | ĐVT | THỰC HIỆN NĂM 2019 | KẾ HOẠCH NĂM 2020 | KH 2020/ TH 2019 |
|----|--------------------|---------|----------------------------|--------------------|------------------|
| 1 | Sản lượng | Tấn; m3 | 386.769 | 345.855 | 89,42% |
| 2 | Doanh thu thuần | Triệu đ | 6.160.046 | 5.016.292 | 81,43% |
| 3 | Tổng LN trước thuế | Triệu đ | 185.361 | 138.000 | 74,45% |
| 4 | Tổng LN sau thuế | Triệu đ | 145.164 | 109.500 | 75,43% |
| 5 | Tỷ suất LNST/VCSH | % | 11,04% | 8,45% | 76,51% |
| 6 | Tỷ suất LNST/VĐL | % | 17,97% | 13,55% | 75,43% |
| 7 | Tỷ lệ chia cổ tức | % | Chia cổ tức 15% bằng tiền, | Tối thiểu 80% LNST | |

Đại hội đã tham gia ý kiến và nhất trí thông qua với 67.874.555 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua Báo cáo này;

7. Đại hội đã tham gia ý kiến vào **Báo cáo Quyết toán QTL và thù lao của các TV HĐQT, các TV BKS PLC năm 2019** (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 67.874.555 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua này;
8. Đại hội đã tham gia ý kiến vào **Tờ trình Phương án trả thù lao cho các TV HĐQT, các TV BKS PLC năm 2020** (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 67.874.555 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua Phương án này.

PHẦN THỨ BA

CÁC Ý KIẾN THAM GIA CỦA CỔ ĐÔNG VÀ PHÁT BIỂU CỦA ĐẠI BIỂU MỜI

ĐHĐCĐ đã lắng nghe các ý kiến tham gia của các Cổ đông, Đại diện Cổ đông dự họp và giải đáp của HĐQT PLC.

- 1- Cổ đông mã CN0163:
 - Vấn đề điều hành của TGD với các đơn vị trực thuộc của PLC hiện nay là như thế nào. Tại sao lại xóa bỏ Chi nhánh Hóa Dầu (CNHD) Hải Phòng? Sản phẩm dầu hàng hải có khó khăn khi loại bỏ bớt 1 CNHD Hải Phòng, trong khi lại ưu ái phát triển tại vùng thị trường Cần Thơ, CNHD này lại có thêm văn phòng tại TP Hồ Chí Minh. CNHD Đà Nẵng cũng phát triển thêm đơn vị trực thuộc tại Bình Định ... như vậy lao động tăng mà không phát triển rõ ràng mô hình tổ chức.

- Việc tạo nguồn là do Tcty làm, các bộ phận kinh doanh của các Chi nhánh lại xen kẽ vào địa bàn của nhau có tạo sự cạnh tranh nội bộ không.
- Cty VP có vốn của PLC, thành lập đã lâu, nhưng xây dựng kế hoạch lỗ nhiều năm. PLC có phương án bán, thoái vốn, giải thể cty này. PLC khi tham gia liên doanh như vậy đã có trách nhiệm với cổ đông hay không.
- 2- Cổ đông CN 0104: Báo cáo của HĐQT đã triển khai công tác tái cấu trúc lại PLC năm 2019. Nhưng đến nay, đã có báo cáo thành lập các ban, tổ ... nhưng trong phương hướng 2020 lại không thấy kế hoạch tái cấu trúc tiếp PLC. Đề nghị chủ tọa ĐHĐCĐ có ý kiến về nội dung này, đây là chủ trương đã có từ trước, thì năm 2020 chưa có phương hướng thực hiện.... Nhân việc giải thể Xí nghiệp dầu nhờn Hà Nội (XNNH) và CNHD Hải Phòng chấm dứt hoạt động là tiết kiệm nhân lực, hiệu quả. Việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị này là tập trung vào việc tổ chức bán hàng DMN. Việc dừng hoạt động như vậy tiết kiệm được lao động nhưng thực tế không giảm lao động, chỉ giảm vị trí Ban GD. Vậy sắp tới, các CNHD khác thì ntn? Nếu việc giảm các CN là hiệu quả đối với miền Bắc. Tại sao miền Bắc thì tập trung vào VP trong khi các vùng miền khác lại phải chia nhỏ ra, đây có phải hướng đi trong mô hình tái cấu trúc sắp tới không?
- 3- Cổ đông CN032: Báo cáo của HĐQT và BCTC thấy thiếu vốn lưu động cho kinh doanh phải vay nhiều dẫn đến lãi vay lớn. Chi phí tăng gấp rưỡi, gần bằng lãi trước thuế của PLC. Cách thức, giải pháp của vấn đề này ntn trong thời gian tới ntn để giảm chi phí, tăng lợi nhuận.
Cty VP lỗ nhiều năm, làm thế nào để cắt lỗ hoặc thoái vốn.
Dự phòng nợ khó đòi rất lớn, giải pháp gì để đòi được nợ, trong báo cáo không nói đến biện pháp đòi nợ trong thời gian tới.
KH 2020, tất cả các chỉ số đều giảm, trong khi nhà nước đẩy mạnh đầu tư công, cao tốc nhiều thì nhựa đường sẽ có cơ hội tăng mạnh không? Vậy KH đã tính đến cơ hội này chưa? Nếu đã bao gồm rồi thì tại sao lại thấp và nếu chưa thì tại sao?
- 4- Cổ đông 025: sản lượng và thị phần của từng mảng hoạt động kinh doanh chính của PLC năm 2019 và KH 2020 là ntn?
- 5- Cổ đông CN013: việc thuê 3 VP của 3 CN tại SG như hiện nay đã phù hợp chưa, nếu tách ra nhiều địa điểm thì có hiệu quả về chi phí không?
Việc đầu tư các gói thầu ở CNSG ntn mà rất chậm trễ, đến nay chưa nghiệm thu được, tại sao lại có CBCNV của NMSG vào làm việc...
Việc bổ nhiệm ông Trần Văn Tiền và Bùi Trường Giang tại Nhà máy dầu nhờn Sài Gòn là ntn? Việc tái bổ nhiệm ông Bùi Hùng Tuấn, Lê Thanh Ngọc lần thứ 3 là hồi tố, không đúng thời điểm... ông TGD có biết không, ai thống nhất chủ trương này.
- 6- Cổ đông CN033 triển vọng ngành DMN và NĐ trong thời gian tới về thị phần, thị trường và giá.
- 7- Cổ đông CN028: NĐ 2014 và 15 được hưởng lợi từ đầu tư công rất cao, xin số liệu và kỳ vọng của làn sóng này trong năm tới.
Cách thức tổ chức bán hàng DMN trên hệ thống PLX và bên ngoài.
- 8- Cổ đông (gửi văn bản)
 - Tình hình đầu tư công được đẩy mạnh, mảng nhựa đường của PLC đã có những chuyển biến gì? Năm 2020-2021 dự kiến sẽ tham gia được bao nhiêu vào dự án cao tốc Bắc - Nam? Doanh thu và lợi nhuận dự kiến của mảng nhựa đường tăng trưởng bao nhiêu?
 - Thị phần nhựa đường của PLC? (Một số công ty chứng khoán đánh giá nhựa đường PLC chiếm tới 30% thị phần)
 - Vấn đề thu hồi công nợ của Nhựa đường - Hóa Chất 5 tháng đầu năm 2020?

- Doanh thu mảng hóa chất ngày càng giảm, PLC có phải đang thực hiện thu gọn hoạt động của mảng này không?
- Chi phí lỗ chênh lệch tỷ giá trong quý 1 là khá lớn (20 tỷ) và bất thường, dù tỷ giá trong Q1/2020 là khá ổn định, đâu là nguyên nhân chính?
- Tình hình các đối thủ cạnh tranh của mảng nhựa đường? Được biết nhiều công ty thua lỗ đã rời thị trường, PLC đánh giá có thể gia tăng thêm thị phần không? Có đối thủ tiềm tàng nào lớn có thể gia nhập thị trường không?
- Việc giá thành nhựa đường thấp có thúc đẩy giải ngân các dự án không?
- Tình hình bán hàng của mảng dầu nhờn? Ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến dầu nhờn có lớn không? Thị phần hiện tại của mảng dầu nhờn? PLC có nghiên cứu sản phẩm dầu nhờn mới không? Đánh giá tình hình quảng bá thương hiệu dầu nhờn PLC hiện tại.
- Vấn đề đầu tư xây dựng năm 2020, PLC dự kiến xây dựng thêm các kho chứa để đón đầu phục vụ các dự án không?

Giải trình của HĐQT và Ban điều hành

- Chủ tịch HĐQT
- Năm 2020 Nhà nước đẩy mạnh đầu tư công để duy trì tốc độ tăng trưởng. Với dự án làm đường trong gói đầu tư, thì chi phí đền bù là lớn nhất và mất nhiều thời gian để triển khai. Gói đầu tư này có giải ngân được 2020 hay 2021 hay không cũng có thể NĐ chưa được hưởng lợi ngay, vì NĐ chỉ bán được hàng khi nền đường đã xong. Dự báo là NĐ chưa được hưởng lợi trong 2020. Thị phần của NĐ trong khoảng 28-35% tùy từng năm. Năm 2015 thị phần NĐ Petrolimex là 30% với nhu cầu 900 nghìn tấn thì SL hoàn toàn khác với tổng cầu hiện nay chỉ còn khoảng 550 nghìn tấn, thì thị phần tăng cao thì SL cũng không cao. Hiệu quả kinh doanh NĐ tập trung nhiều vào nhóm SP có chất lượng cao như nhũ tương, polime.... Thời gian trước, các sản phẩm cao này gần như độc quyền của PLC, nay đã nhiều cty có thể cung cấp nên hiệu quả kinh doanh không còn cao như trước đây.
- Với áp lực về kinh doanh NĐ về vốn, thị trường... khi quy luật đầu tư công và triển khai các dự án giảm rất nhiều trong thời gian gần đây, nên sau 2015 rất nhiều cty NĐ nhỏ đã phá sản, bị sát nhập.... để hình thành nên những cty mới có tiềm lực về vốn, công nghệ, quản lý... nên tình hình cạnh tranh mới là rất phức tạp.
- Về công tác tổ chức: việc thành lập các đơn vị như CNHD, VP đại diện... là quyền đã được Điều lệ đã phân công cho HĐQT và TGD. Cổ đông nên đưa ra các chất vấn mang tính giải pháp để phát triển. Những vấn đề tổ chức là không cố định, sẽ có nhiều biến động theo yêu cầu của từng thời kỳ. Nhiều nội dung còn phải xin ý kiến cổ đông chi phối. PLC đã thực hiện tái cấu trúc. Đến nay, PLC đã xin ý kiến cổ đông chi phối để tái cấu trúc và vẫn đang trong giai đoạn soạn thảo. Đến thời điểm hoàn thiện, sẽ báo cáo xin ý kiến cổ đông theo chức năng.
- Một số vấn đề thuộc về điều hành như bổ nhiệm cán bộ... cấp trung là vấn đề không nên chất vấn tại ĐHCĐ, có thể gặp hoặc hỏi riêng.
- Thuê VP là quyền của HĐQT, các CN tại SG thuê lại tầng trệt của Cty XD KV2, điều kiện làm việc chưa tốt nên thuê VP ra ngoài trước khi sử dụng được VP ở 152 Nguyễn Khoái của PLC. Nhưng hiện nay chưa thực hiện được do cơ chế quản lý đất đai... nên cần phải thuê bên ngoài. Việc thuê các địa điểm khác nhau là do nhu cầu khác nhau của các đơn vị.
- Do ảnh hưởng của Covid-19 nên tất cả các ngành đều giảm, đến thời điểm được hưởng lợi từ đầu tư công là giai đoạn sau, việc phân tích của các cty chứng khoán chưa thực tế với tình hình của PLC cũng như ngành hàng nhựa đường... Khi kinh tế chưa mở cửa được toàn bộ nền kinh tế và với quốc tế thì vẫn bị ảnh hưởng

- VP do PLC và VIP hợp tác để đóng 2 tàu chở nhựa đường từ những năm 2008, là thời điểm mà tàu có trọng tải nhỏ rất hiếm, không thuê được tàu để chở hàng... Tuy nhiên, khi đóng xong tàu thì nhu cầu thị trường đã thay đổi, nên VP chỉ có hiệu quả trong vài năm. Trước đây VP chủ yếu cung cấp dịch vụ chở nhựa ở vùng Indo... nhưng do áp lực thị trường, giá cước lại thấp, chuyển đổi nhiên liệu để bảo vệ môi trường cũng là vấn đề cần giải quyết... nên nhiều năm nay VP bị thua lỗ nặng, cần có phương án hỗ trợ. Có rất nhiều phương án đưa ra, từ hỗ trợ, hoán cải, giải thể... nhưng chưa có phương án tốt nhất.

Tổng giám đốc

- PLC thành lập từ 1994 và hoạt động mô hình cổ phần từ 2003. Khi đó, công ty mẹ trực tiếp kinh doanh DMN, tại thị trường miền bắc ngoài văn phòng Tcty còn có XNHN và CNHD HP. Đề tập trung và giải quyết thông tin nhanh tại thị trường trọng điểm miền Bắc và tinh giảm bộ máy, nên đến nay không còn mô hình XN và CNHD. Trước đây CNHP và CNSG ngoài nhiệm vụ kinh doanh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà máy, bán hàng... Đến nay, các nhiệm vụ của các CNHD là tổ chức bán hàng. Việc tạo nguồn và xây dựng chính sách bán hàng là do VP Tcty thực hiện, đề tập trung thông tin, giảm lao động và cấp quản lý. Nhân sự tại XN, CN được sát nhập vào VP Tcty được phân bổ vào các vị trí cho phù hợp với năng lực và điều kiện gia đình.
- PLC bán dầu nhớt trên tất cả các thị trường, thực hiện hệ thống thông tin để có thể tổ chức kinh doanh, điều hành trực tuyến, Kết quả việc điều hành kinh doanh vẫn thông suốt trong giai đoạn giãn cách thời Covid-19 đã chứng minh việc điều hành này là hiệu quả và phù hợp với giai đoạn mới. Việc tổ chức kinh doanh và chăm sóc khách hàng là toàn diện, các đơn vị trong nội bộ đều tổ chức bán hàng xuyên biên giới. Việc có các văn phòng của các Chi nhánh ở các địa phương khác nhau của Chi nhánh để hạn chế chi phí tiếp thị, đi lại.
- Tình hình bán hàng DN, sp mới... kết quả kinh doanh Q1/2020 chỉ bằng 81,19% so với cùng kỳ và 28% KH. Covid-19 có ảnh hưởng lớn đến cả sản lượng, chi phí, lợi nhuận. Kịch bản kế hoạch trình ĐHĐCĐ là hết Covid-19 vào Q2/2020.
- SL DMN của PLC gồm bán trong nội địa, DMN hàng hải xuất khẩu cho các nước trong khu vực và sản phẩm pha chế thuê cho các thương hiệu khác. Đã có thời điểm PLC bán ra hơn 45 nghìn tấn. SL 5 năm hiện nay sụt giảm do không còn pha chế thuê. Đến nay, dầu nhờn hàng hải xuất khu vực sụt giảm do tình hình vận tải đường biển của đối tác bị cạnh tranh khốc liệt nên sản lượng bán xuất khẩu giảm, sl nội địa tăng nhưng chưa bù đắp được nhóm sl còn lại.
- PLC liên tục cập nhật về công nghệ và nguyên liệu để sx sp mới. Sắp tới sẽ có nhận diện mới về dầu nhờn PLX . Chi phí quảng cáo là hạn chế, đang bị tiết giảm vì mục tiêu lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông. Việc quảng cáo sẽ được gia tăng trong thời gian tới để đảm bảo hình ảnh của PLC.
- Triển vọng của DN theo đánh giá của PLC là ngành hàng có hiệu quả chủ đạo, góp tỷ trọng cao. Dự báo tổng nhu cầu khoảng 300 nghìn tấn, là thị trường nhỏ so với các nước khu vực, triển vọng phát triển thị trường còn lớn và còn nhiều cơ hội cho PLC để tăng thị phần, thị trường. Các nhà đầu tư quốc tế cũng đang quay lại VN để đón đầu xu hướng phát triển mới của kinh tế và dầu nhờn.

Chủ tịch HĐTV Công ty Nhựa đường:

- Ngành hàng NĐ đem lại tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn bình quân trong 14 năm (gần 3 nhiệm kỳ) qua là 18%. Tốc độ tăng từng nhiệm kỳ là gấp rưỡi và cũng theo quy luật từng nhiệm kỳ 5 năm.

- Vị thế của NĐ PLC rất cao trên thị trường nhựa đường, từ chỗ chi thuận túy thương mại, cạnh tranh với các hãng quốc tế. Đến nay chỉ còn Tipco Thái Lan là cty nước ngoài duy nhất kinh doanh NĐ ở VN, một trong những nguyên nhân họ rút đi là vì sự lớn mạnh của PLX, họ không còn thu được lợi nhuận hót vàng sữa nữa.
- PLC NĐ đã phát triển thị trường ra Lào, CPC. NĐ đã xây dựng được hệ thống cơ sở vật chất tốt để kinh doanh và dẫn đầu thị trường .
- Vấn đề công nợ là một tất yếu của thị trường nhựa đường, cần phải thích nghi và có bản lĩnh kinh doanh để thích ứng. Việc tái cấu trúc của PLC cần xem xét đến yếu tố này để thực tạo điều kiện phát triển cho ngành hàng một cách lâu dài.
- Năm 2019 là năm rất khó khăn của NĐ, khi đầu tư công gần như ko có. 2020 sẽ là năm đầu của chu kỳ mới, nhưng do ảnh hưởng của Covid nên có thể chưa đạt được những hiệu quả cao như các chu kỳ trước. NĐ đã xây dựng quỹ dự phòng công nợ và dự phòng tài chính theo kế hoạch ở mức cao, lỗ tài chính Q1 cao do dự phòng nhiều, sẽ hoàn nhập trong Q2, tạo ra thêm 15 tỷ lợi nhuận... Công nợ đã dự phòng đầy đủ, thời gian tới đã có hướng tháo gỡ theo các quy định của mới của nhà nước. Nếu không có ảnh hưởng của Covid-19 thì kết quả kinh doanh của 2020 sẽ rất tốt và có tăng trưởng cao theo các quy luật chu kỳ. 2020 không có nhiều dự án lớn, với các dự án hiện có, PLC vẫn đang tiếp thị và bán hàng tốt. Triển vọng sẽ có tăng trưởng tốt sau Covid-19. Triển vọng giai đoạn 2019-2023 khá khả quan với PLC vì đối thủ nước ngoài không quay lại kịp và đối thủ trong nước lại nhỏ lẻ. Đối thủ trực tiếp có ICT và Tipco. Cao điểm nhựa của các dự án cao tốc và đường xương cá sẽ triển khai nhiều vào những năm 2021 và 2022. Vì Covid-19 mà ngành hàng NĐ bị lỗ hàng tồn kho khoảng 40-50 tỷ.
- Nếu phương án tái cấu trúc mà được CPH NĐ thì NĐ có thể sẽ phát triển hơn khi đi sâu thêm về lĩnh vực sản xuất.

ĐHĐCĐ vinh dự được lắng nghe ý kiến tham gia của ông Phạm Đức Thắng - UV HĐQT, Tổng giám đốc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

- Thay mặt Lãnh đạo TĐXDVN, xin cảm ơn sự đóng góp, hỗ trợ, theo dõi, chỉ đạo PLC; kính chúc sức khỏe Cổ đông, theo dõi PLC để PLC tiếp tục phát triển tốt hơn.
- PLC là 1 trong 6 TCT lớn của Tập đoàn XDVN, là một trong những đơn vị có cổ đông chi phối là PLX cũng là 1 trong 6 ngành hàng chủ chốt của Tập đoàn, xoay quanh trục chính là KDXD; có thể nói từ khi thành lập đến nay, PLC là một trong những đơn vị đóng góp tốt vào hiệu quả KD của PLX; góp phần nâng cao giá trị thương hiệu PLX trong nước và thị trường quốc tế.
- Kết quả KD có thể đánh giá từng tháng, từng quý để tổ chức KD nhưng cũng có những thời điểm cần nhìn tổng thể để đánh giá chung; Tôi nhiều năm tham gia Ban KHH thẩm định, giao KH cho PLC; năm 2019 là năm đầy khó khăn, thách thức cho PLC trên cả 3 lĩnh vực; với kết quả dự PLC đạt được 2019 trên 387 nghìn tấn sản phẩm, LNTT trên 158 tỷ; ROE xấp xỉ 12% → đây là kết quả chấp nhận được với đối với Tập đoàn XDVN.
- Những trở ngại của Cổ đông cũng là trở ngại của PLX vì Tập đoàn có xấp xỉ 80% vốn tại PLC; PLX hơn Cổ đông là được tiếp cận nhiều thông tin hơn, có bộ máy tư vấn, giúp việc để LD Tập đoàn đưa ra các quyết định với PLC;
- Nửa cuối tháng 04/2020 Tập đoàn có xây dựng các kịch bản và chỉ đạo các Công ty thành viên, trong đó có PLC xây dựng kịch bản dịch covid-19 kết thúc trong quý II/2020; Xăng dầu năm 2020 sẽ rất khó khăn. Theo đó, PLX đã nhiều lần làm việc với HĐQT PLC để có được một kế hoạch phù hợp nhất với PLC trong điều kiện cụ thể của 2020.

- PLX căn cứ vào bối cảnh chung của PLC và PLX đề bầu bổ sung nhân sự cho PLC là 1 cán bộ đã có nhiều năm làm giám đốc 1 cty XD kinh doanh DMN rất hiệu quả và 1 cán bộ quản trị rủi ro để hoàn thiện bộ máy lãnh đạo của PLC, tăng cường công tác quản lý công nợ của PLC.
- 2019 đã đặt vấn đề tái cơ cấu PLC và là nhiệm vụ xuyên suốt cả nhiệm kỳ HĐQT của PLC. PLC được tái cơ cấu theo chiến lược phát triển của PLC, nhưng chiến thuật các năm là khác nhau, trong đó có cả cơ cấu tổ chức.
- PLX có cổ phần 79% của PLC, nhưng PLX vẫn không có quyền can thiệp trực tiếp vào chính sách kinh doanh của PLC. Nhưng ngược lại, không thể chỉ kinh doanh để xây dựng thương hiệu, hình ảnh hàng thập kỷ mà hiệu quả kinh doanh không đáp ứng thì PLX cũng cần xem xét đến các đối tác khác của PLX về đầu nhóm.
- PLC cần ưu tiên phát triển bền vững trên 3 ngành hàng cả về thị trường, sản phẩm...theo đó cần tăng cường công tác marketing và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

PHẦN THỨ TƯ

BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2019 - 2024

Việc bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024 được tiến hành theo thể lệ Bầu cử mà ĐHĐCĐ đã thống nhất thông qua. Chi tiết theo Biên bản bầu cử đính kèm. Với các nội dung chính sau:

- 1. Thể lệ bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT Tổng công ty PLC nhiệm kỳ 2019 - 2024** (đính kèm) được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ là **100%** Trong đó, Thể lệ bầu cử quy định nguyên tắc bầu bổ sung Thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và bỏ phiếu kín tại Đại hội.
- 2. Số lượng các ứng viên được đề cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019 - 2020:** (báo cáo danh sách đề cử, ứng cử đính kèm) gồm các ông có tên sau (xếp theo thứ tự bảng chữ cái):
 - Ông Nguyễn Thanh Khương - do Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam đề cử.
 - Ông Trần Tuấn Linh - do Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam đề cử.
- 3. ĐHĐCĐ tiến hành bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024:**
 - ĐHĐCĐ đã thống nhất với đề xuất của Chủ tọa về danh sách Ban kiểm phiếu bầu cử.
 - Việc bầu cử được tiến hành theo đúng thể lệ bầu cử mà ĐHĐCĐ đã thông qua.
 - Việc kiểm số lượng phiếu bầu cử bổ sung các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019 - 2024 được Ban kiểm phiếu bầu cử đếm trước sự chứng kiến của các cổ đông/đại diện cổ đông dự Đại hội, trước khi mang đi kiểm phiếu.
- 4. Kết quả bầu cử bổ sung các thành viên HĐQT PLC, nhiệm kỳ 2019 - 2024, như sau:** (xếp theo thứ tự số phiếu được bầu từ cao xuống thấp)
 - Ông Nguyễn Thanh Khương - được bầu 68.734.368 phiếu, tương ứng 101,27% phiếu bầu.
 - Ông Trần Tuấn Linh - được bầu 67.014.742 phiếu, tương ứng 98,73% phiếu bầu.

Theo Thể lệ bầu cử, các ông có tên trên đã trúng cử vào HĐQT PLC nhiệm kỳ 2019-2024. Hội đồng quản trị mới trúng cử đã họp và thống nhất báo cáo ĐHĐCĐ thường niên 2019 kết quả bầu chủ tịch HĐQT như sau:


 - Bầu ông Đỗ Hữu Tạo làm Chủ tịch HĐQT TCT PLC kể từ ngày 25/05/2020.
 - Thống nhất: ông Nguyễn Văn Đức tiếp tục giữ chức vụ Tổng giám đốc cho đến khi đủ điều kiện nghỉ hưu hưởng chế độ BHXH từ ngày 01/11/2020.

PHẦN THỨ NĂM
CÁC THỦ TỤC KẾT THÚC ĐHĐCĐ

1. **Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ** : Bà Trần Diễm Hồng thay mặt Ban Thư ký đọc dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ. Đại hội đã tham gia ý kiến và nhất trí thông qua với 67.874.555 điểm, đạt tỷ lệ **100 %** tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua các dự thảo trên.
2. **Tổng kết Đại hội** : Ông Phạm Bá Nhuận thay mặt Đoàn Chủ tịch phát biểu tổng kết Đại hội. ĐHĐCĐ thường niên 2020 đã nhất trí giao cho:
 - HĐQT PLC chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị Quyết ĐHĐCĐ và các nội dung, tài liệu đã được ĐHĐCĐ thường niên 2020 biểu quyết thông qua, theo đúng quy định hiện hành của Điều lệ PLC và Pháp luật;
 - BKS PLC kiểm soát việc chấp hành Nghị quyết ĐHĐCĐ và các nội dung, tài liệu đã được ĐHĐCĐ thường niên 2020 biểu quyết thông qua theo đúng quy định hiện hành của Điều lệ PLC và Pháp luật.

Đại hội bế mạc lúc 17h15 cùng ngày.

ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2020 TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP
TV. ĐOÀN CHỦ TỊCH



Ông Nguyễn Văn Đức

CHỦ TỌA

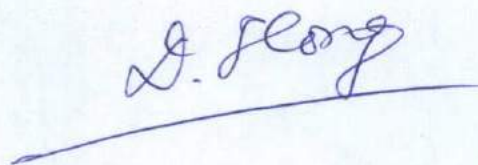


Ông Phạm Bá Nhuận

BAN THƯ KÝ ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2020 TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP



Ông Nguyễn Văn Ngọc



Bà Trần Diễm Hồng

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

| Thời gian dự kiến | Nội dung |
|-------------------|---|
| | I. Thủ tục khai mạc Đại hội đồng cổ đông |
| 13h00 | - Đón tiếp các Cổ đông và Đại diện cổ đông; - Đón tiếp các Đại biểu mời; |
| | - Tiếp nhận, kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và Đại diện cổ đông dự họp ĐHĐCĐ, phát phiếu biểu quyết; |
| 13h30 | - Khai mạc Đại hội, giới thiệu Đại biểu; |
| | - Báo cáo kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và Đại diện cổ đông; |
| | - Chủ tọa giới thiệu nhân sự Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu biểu quyết đề ĐHĐCĐ thông qua; |
| | - Thông qua Chương trình họp ĐHĐCĐ; |
| | - Thông qua Thể lệ biểu quyết tại ĐHĐCĐ. |
| 13h45 | II. Các nội dung Đại hội đồng cổ đông thảo luận, biểu quyết thông qua |
| | 1. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019 |
| | 2. Báo cáo Tài chính hợp nhất của Tổng công ty năm 2019 đã được kiểm toán |
| | 3. Báo cáo của HĐQT năm 2019 |
| | 4. Báo cáo Quyết toán QTL và thù lao của các TV. HĐQT, các KSV năm 2019 |
| | 5. Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận và mức chia cổ tức năm 2019 |
| | 6. Tờ trình kế hoạch kinh doanh năm 2020 |
| | 7. Tờ trình Phương án trả thù lao cho các TV.HĐQT, các KSV năm 2020 |
| | 8. Tờ trình Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2020 |
| | 9. Thể lệ bầu cử thành viên HĐQT Tổng công ty PLC |
| 14h40 - 15h15 | Bầu TV HĐQT |
| | 10. Các nội dung khác. |
| 16h10 | III. Phát biểu của Đại biểu mời |
| | IV. Thủ tục kết thúc Đại hội đồng cổ đông |
| 16h35 | - Ra mắt các TV HĐQT mới trúng cử bổ sung và Chủ tịch HĐQT mới nhiệm kỳ 2019 - 2024 |
| 16h45 | - Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội |
| 16h55 | - Bế mạc Đại hội. |

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP



CHỦ TỊCH
Phạm Bá Nhuận



Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2020

THẺ LỆ BIỂU QUYẾT
CÁC NỘI DUNG CỦA ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2020
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Việc biểu quyết, kiểm phiếu biểu quyết để thông qua các Báo cáo, Tờ trình, Nghị quyết theo các nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP được tiến hành theo thể lệ sau đây:

I- HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT:

1. Cổ đông và Đại diện cổ đông thực hiện quyền biểu quyết các nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của Tổng công ty PLC (ĐHĐCĐ) bằng hình thức sử dụng **Phiếu biểu quyết** với hai hình thức biểu quyết sau:

- Biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ.
- Biểu quyết từ xa.

2. Phiếu biểu quyết là phiếu của Ban tổ chức, có mã cổ đông do Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP phát cho Cổ đông khi đăng ký tham dự Đại hội hoặc gửi cho Cổ đông đăng ký biểu quyết từ xa. Trong Phiếu có các thông tin:

- Họ tên, mã số cổ đông, số điểm của Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông tham dự Đại hội
- Các nội dung cần biểu quyết.

3. Biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ:

Đại hội biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Với mỗi vấn đề cần biểu quyết tại ĐHĐCĐ, Đoàn Chủ tịch Đại hội sẽ đề nghị thực hiện biểu quyết 03 lần theo trình tự sau:

- Lần thứ nhất: Biểu quyết nhất trí.
- Lần thứ hai : Biểu quyết không nhất trí.
- Lần thứ ba : Biểu quyết không có ý kiến

Mỗi Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông (01 người) chỉ được biểu quyết 01 lần ("**Nhất trí**" hoặc "**Không nhất trí**" hoặc "**Không có ý kiến**") đối với cùng một vấn đề cần biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Cổ đông hoặc đại diện cổ đông không đăng ký biểu quyết từ xa, khi xác nhận tư cách cổ đông sẽ được phát Phiếu biểu quyết để biểu quyết các nội dung của Đại hội.

4. Biểu quyết từ xa:

- Đăng ký biểu quyết từ xa: Cổ đông đăng ký biểu quyết từ xa trong khoảng thời gian từ ngày 11/05/2020 đến trước 17h00 ngày 21/05/2020 bằng cách gửi nội dung "Họ tên", "số CMTND/CCCD/Hộ chiếu", "ngày cấp" và ảnh chụp CMTND/CCCD (hai mặt)/Hộ chiếu (trang có ảnh) hoặc giấy phép đăng ký doanh nghiệp của quý cổ đông đến:



- + Địa chỉ email thaonh.plc@petrolimex.com.vn hoặc
 - + Nhắn tin zalo tới số 0983846618
 - + Hoặc gọi điện thoại đến 0983846618 để được hướng dẫn trực tiếp.
 - Sau khi xác thực danh tính cổ đông, Tổng công ty cấp cho Cổ đông phiếu biểu quyết từ xa qua email hoặc zalo mà cổ đông đã gửi đăng ký.
 - Khi nhận được Phiếu biểu quyết, cổ đông in bản cứng Phiếu biểu quyết từ xa để thực hiện việc biểu quyết. Đối với mỗi nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ, mỗi Cổ đông chỉ được chọn 1 trong 3 trạng thái biểu quyết ("**Nhất trí**" hoặc "**Không nhất trí**" hoặc "**Không có ý kiến**").
 - Quý cổ đông ký tên và gửi ảnh chụp Phiếu biểu quyết từ địa chỉ email/số điện thoại đã đăng ký với Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex về địa chỉ email thaonh.plc@petrolimex.com.vn hoặc Zalo: 0983846618 trước 8h00 ngày 25/05/2020. Thông tin biểu quyết sẽ được bảo mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 - Tại thời điểm bắt đầu đăng ký, kiểm tra tư cách tham dự ĐHĐCĐ, Ban tổ chức sẽ mở thư đăng ký biểu quyết từ xa của cổ đông để kiểm tra tính hợp lệ về tư cách cổ đông. Đối với các cổ đông đáp ứng về tư cách hợp lệ, phiếu biểu quyết sẽ được in, bỏ vào thùng phiếu và tổng hợp cùng với các phiếu biểu quyết được phát tại ĐHĐCĐ.
5. Việc xác định tỷ lệ biểu quyết mỗi vấn đề tại ĐHĐCĐ thực hiện theo hình thức tính điểm:
- Một (01) cổ phần khi tham gia biểu quyết được tính bằng 01 điểm.
 - Tổng số Vốn điều lệ của Tổng công ty tại thời điểm tổ chức Đại hội là **807.988.390.000** đồng, được chia thành **80.798.839** cổ phần phổ thông, trong đó trừ **1.273** cổ phần là cổ phiếu quỹ của PLC, còn lại **80.797.566** cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với **80.797.566** điểm. Số điểm của một Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông tương ứng với số cổ phần đang sở hữu hoặc được ủy quyền đại diện khi dự họp và biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ hoặc đăng ký và biểu quyết từ xa.

II. NGUYÊN TẮC THÔNG QUA:

1. Các Quyết định về số lượng cổ phiếu được quyền phát hành; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty; sáp nhập, tái tổ chức Tổng công ty; được ĐHĐCĐ thông qua khi có ít nhất **82** (tám hai) % tổng số điểm biểu quyết của tất cả các Cổ đông và Đại diện cổ đông dự họp ĐHĐCĐ chấp thuận.
2. Các Quyết định khác được ĐHĐCĐ thông qua khi có ít nhất **80** (tám mươi) % tổng số điểm biểu quyết của tất cả các Cổ đông và Đại diện cổ đông dự họp ĐHĐCĐ chấp thuận.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH
Phạm Bá Nhuận



Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2020

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT PLC NĂM 2019
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020)

Kính thưa: - Các quý vị Đại biểu
- Các quý vị Cổ đông

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm tra giám sát quy định tại Luật doanh nghiệp; Điều lệ của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex (Tổng công ty/PLC); Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex (Ban kiểm soát/BKS). Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (ĐHĐCĐ) kết quả kiểm tra giám sát năm 2019 và tình hình hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2019 như sau:

PHẦN I
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019
VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019:

Năm 2019 Ban kiểm soát hoạt động với 3 thành viên, trong đó có một thành viên kiêm nhiệm. Trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, trong năm 2019, Ban kiểm soát đã tích cực, chủ động phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty; Chủ tịch, Giám đốc và Kiểm soát viên các Công ty con để triển khai công việc theo chức năng, nhiệm vụ với một số hoạt động cụ thể:

- Xây dựng và ban hành Kế hoạch công tác giám sát năm 2019 tại văn bản số 01/PLC-KH-BKS ngày 18/01/2019.
- Xây dựng Báo cáo của Ban kiểm soát và Tờ trình chọn CTy kiểm toán Báo cáo tài chính trình ĐHCĐ PLC 2019.
- Tham gia thảo luận, góp ý xây dựng, sửa đổi điều lệ, các quy chế, quy định quản lý, quản trị của Tổng công ty và các công ty con.
- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2019; Tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT PLC.
- Tham gia ý kiến trong việc tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD.
- Thẩm định Báo cáo tài chính định kỳ.

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến độc lập, khách quan trong phạm vi quyền hạn của Ban kiểm soát.

- Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát toàn diện hoạt động của Chi nhánh Nhựa đường Camphuchia.

- Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát chuyên đề Tổ chức - Lao động - Tiền lương tại Tổng công ty và 2 công ty con TNHH MTV.

- Lập Báo cáo kiểm soát hoạt động Tổng công ty định kỳ đúng quy định, gửi Hội đồng quản trị Tập đoàn.

- Thực hiện các công việc khác có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty...

- Ban kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp định kỳ theo quy định, đảm bảo dân chủ, minh bạch. Ngoài ra, các thành viên Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin qua Email, điện thoại đối với những công việc liên quan đến hoạt động của đơn vị cần có ý kiến của Ban kiểm soát.

- Năm 2019, từng Kiểm soát viên đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Ban kiểm soát phân công đảm bảo khách quan, trung thực trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát; Mỗi Kiểm soát viên đều phát huy được thế mạnh của từng cá nhân, phối hợp tốt với các đơn vị, các Phòng/Ban của Tổng công ty cũng như các Công ty con trong quá trình triển khai công việc được giao.

- Lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2019 được thực hiện theo Phương án được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-PLC-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2019. Theo đó, Tổng lương và thù lao của Ban kiểm soát năm 2019 là 1.129.647.000 đồng.

II. Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020:

Năm 2020, Ban kiểm soát tập trung thực hiện Kế hoạch công tác giám sát đã xây dựng tại văn bản số 12/PLC-KH-BKS ngày 10/01/2020 với các nội dung trọng tâm sau đây:

- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020; Tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Tổng công ty;

- Giám sát việc xây dựng, giao và tổ chức thực hiện kế hoạch SXKD tại Tổng công ty và các công ty con;

- Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát chuyên đề Tổ chức Quản lý Vận hành HDSX tại các Nhà máy/ Kho chứa tại Tổng công ty và 2 công ty con TNHH MTV.

- Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát toàn diện hoạt động của Chi nhánh Nhựa đường Lào.

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT để có ý kiến tham gia, góp ý kịp thời trong phạm vi, quyền hạn của Ban kiểm soát.

- Tham gia các cuộc họp quan trọng của Ban TGD để nắm bắt kịp thời công tác chỉ đạo điều hành các hoạt động SXKD của Tổng công ty.

- Thực hiện công việc định kỳ hoặc đột xuất liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát như: Lập Báo cáo kiểm soát hoạt động Tổng công ty định kỳ đúng quy định, gửi Hội đồng quản trị Tập đoàn; Thẩm định báo cáo tài chính định kỳ; Tham gia rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định, quy trình quản lý, định mức kinh tế kỹ thuật.

PHẦN II KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT

1/ Thẩm định báo cáo Tài chính năm 2019:

Báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Tổng công ty, được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG, đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính, kết quả hoạt động SXKD, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc này 31/12/2019 của Tổng công ty, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

Một số chỉ tiêu cơ bản trong báo cáo Tài chính

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | 31/12/2019 | |
|------------|--------------------------------|----------|------------------|------------------|
| | | | Cty mẹ | Hợp nhất |
| I | Tổng tài sản | | 1.560.421 | 4.464.435 |
| 1 | Tài sản ngắn hạn | Tr, đồng | 519.601 | 3.308.424 |
| 2 | Tài sản dài hạn | Tr, đồng | 1.040.820 | 1.156.011 |
| 3 | Lợi thế thương mại | Tr, đồng | 0 | 0 |
| II | Tổng nguồn vốn | | 1.560.421 | 4.464.435 |
| 1 | Nợ phải trả | Tr, đồng | 251.474 | 3.142.610 |
| 2 | Vốn chủ sở hữu | Tr, đồng | 1.308.947 | 1.321.825 |
| 3 | Lợi ích cổ đông thiểu số | Tr, đồng | | |
| III | Khả năng thanh toán | | | |
| 1 | Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 2,07 | 1,08 |
| 2 | Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 0,12 | 0,22 |
| IV | Cơ cấu nguồn vốn | | | |
| 1 | Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn | % | 16% | 70% |
| 2 | Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn | % | 84% | 30% |
| V | Khả năng sinh lời | | | |
| | Lợi nhuận sau thuế | | | |

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | 31/12/2019 | |
|-----|------------------------------------|------|------------|----------|
| | | | Cty mẹ | Hợp nhất |
| 1 | ROE (Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu) | % | | 10,98% |
| 2 | ROA (Tỷ suất LNST/Tổng tài sản) | % | | 3,1% |
| VI | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | đồng | | 1.599 |

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch và nghị quyết ĐHCĐ năm 2019:

- Tổng sản lượng tiêu thụ: 386.769 tấn, đạt 102,1% kế hoạch năm và bằng 99,3% so với thực hiện năm 2018.

- Tổng doanh thu thuần hợp nhất: 6.160 tỷ đồng, đạt 95,31% kế hoạch năm, bằng 95,8% so với thực hiện năm 2018.

- Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 185,361 tỷ đồng, đạt 89 % kế hoạch năm, bằng 95% so với thực hiện năm 2018.

- Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 145,164 tỷ đồng, đạt 87 % kế hoạch năm, bằng 97 % so với thực hiện năm 2018.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ bq đạt 17,9%.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH bq đạt 10,98%.

Năm 2019 tiếp tục là một năm thực sự khó khăn đối với Tổng công ty, đặc biệt là ngành hàng Nhựa đường, Hóa chất. Tuy sản lượng tiêu thụ vượt kế hoạch nhưng do cạnh tranh về giá bán, tín dụng khách hàng làm lãi gộp giảm, chi phí vốn tăng dẫn đến lợi nhuận trước thuế của Công ty Hóa chất và Công ty nhựa đường đạt rất thấp so với kế hoạch và là nguyên nhân làm lợi nhuận hợp nhất không đạt Kế hoạch đã được ĐHCĐ thường niên năm 2019 giao.

3. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT.

3.1. Hoạt động của HĐQT:

- Trong năm 2019, HĐQT đã triển khai thực hiện tích cực, kịp thời các nhiệm vụ được ĐHCĐ giao theo đúng định hướng và chiến lược của Tổng công ty.

- HĐQT đã tổ chức 11 phiên họp trực tiếp và lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản 37 lần để ban hành Nghị quyết, Quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các cuộc họp của HĐQT Tổng công ty diễn ra nghiêm túc, thuận lợi cho các thành viên HĐQT tham gia. Các thành viên HĐQT tham gia đã thảo luận thẳng thắn, có trách nhiệm đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- HĐQT đã ban hành 9 Nghị quyết, 83 Quyết định và một số văn bản theo thẩm quyền để quản lý và định hướng các hoạt động của Tổng công ty, đồng thời tổ chức công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành Công ty mẹ và 2 Công ty con nhằm đảm bảo theo đúng các kế hoạch, mục tiêu và chiến lược phát triển của Tổng công ty.

3.2. Hoạt động của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý:

- Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ và HĐQT giao.

- Ban kiểm soát nhận thấy nhìn chung Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình trên cơ sở tuân thủ các quy định của Tổng công ty và của Pháp luật.

3.3. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc:

- Sự phối hợp cũng như trao đổi thông tin giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác được duy trì thường xuyên thông qua hình thức trao đổi trực tiếp, thư điện tử (E-mail) và Văn bản. Sự phối hợp này luôn đảm bảo nguyên tắc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, quy chế, quy định của Tổng Công ty và vì lợi ích chung của toàn Tổng công ty.

Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến đóng góp với HĐQT trong phạm vi chức năng, quyền hạn của Ban kiểm soát.

HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã tích cực phối hợp và tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

PHẦN III MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Dịch Covid - 19 ảnh hưởng sâu đến nền kinh tế toàn cầu, tất cả các ngành nghề, các lĩnh vực HDSXKD đều chịu tác động tiêu cực. Cuộc chiến giành thị phần dầu mỏ đã khởi phát dự báo giá dầu năm 2020 sẽ có diễn biến hết sức phức tạp. Như vậy với ảnh hưởng kép từ dịch Covid 19 và cuộc chiến giá dầu, năm 2020 sẽ là năm cực kỳ khó khăn với Tổng công ty ở cả 3 ngành hàng. Tổng công ty cần phải có các giải pháp toàn diện, chủ động và linh hoạt với một số trọng tâm sau:

1/ Tiếp tục xác định nhiệm vụ bảo đảm tuyệt đối an toàn trong quá trình SXKD lên hàng đầu, không ngừng tăng cường công tác kiểm tra giám sát về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, đặc biệt là công tác quản lý công nợ đảm bảo an toàn tài chính.

2/ Khẩn trương triển khai dự án ERP để nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp, áp dụng hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến, đồng bộ để quản trị, điều hành nâng cao hiệu quả SXKD và phòng ngừa rủi ro.

3/ Công tác dự báo nghiên cứu thị trường cần được quan tâm chỉ đạo thường xuyên.

4/ Xây dựng bổ xung sửa đổi hệ thống định mức, quy trình quản trị chi phí kinh doanh, thực hành tiết kiệm tiết giảm chi phí để nâng cao hiệu quả HDSXKD.

5/ Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong tất cả lĩnh vực hoạt động nhằm phát hiện ngăn ngừa và hạn chế thấp nhất rủi ro có thể xảy ra.

Thay mặt Ban kiểm soát xin chân thành cảm ơn các đồng chí lãnh đạo..., các đơn vị thành viên, các quý vị cổ đông trong năm qua đã phối hợp tạo điều kiện giúp đỡ Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao ./.

Nơi nhận:

- HĐQT Tập đoàn (thay b/cáo).
- HĐQT, Ban TGD PLC.
- Các Cổ đông.
- Lưu VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT



TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
Đoàn Hồng Sáng





Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

PLC đã trải qua một năm với nhiều khó khăn, Tổng công ty PLC không hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận được ĐHCĐ thường niên 2019 giao, trong đó Lợi nhuận trước thuế: 185,361 tỷ đồng, đạt 89 % kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế: 145,164 tỷ đồng, đạt 87% kế hoạch; Chỉ tiêu sản lượng tiêu thụ: 386.769 tấn, đạt 102,1% kế hoạch và Doanh thu thuần: 6.160 tỷ đồng đạt 95,31% kế hoạch.

Ngoài ngành hàng Dầu mỡ nhờn hoàn thành kế hoạch, các ngành hàng khác không đạt kế hoạch. Ngành hàng Nhựa đường tiếp tục khó khăn do các dự án giao thông chậm tiến độ, dung lượng thị trường giảm dần theo nhiều hệ lụy như hàng quay vòng chậm làm chi phí qua kho tăng, khách hàng không có khả năng thanh toán, đáo nợ.... Đối với ngành hàng Hóa chất: thị trường dung môi Hóa chất rất rộng lớn, nhưng là ngành hàng phục vụ sản xuất, thị trường của người mua, trong khi với người bán hiện nay, không có rào cản tham gia thị trường, nên mức độ cạnh tranh là rất khốc liệt, lãi gộp thấp. Trong điều kiện hầu hết vốn lưu động của ngành hàng hóa chất là đi vay, thì chi phí tài chính là một gánh nặng, tác động quyết định đến kết quả kinh doanh hóa chất của PLC. Một nguyên nhân nữa dẫn đến việc không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận còn do Công ty liên kết (Công ty CP vận tải Hóa dầu VP) gặp khó khăn, lỗ lớn, khiến năm 2019 PLC phải trích dự phòng tài chính 12 tỷ đồng.

Song hành cùng nhiệm vụ chỉ đạo tổ chức sản xuất kinh doanh, để chuẩn bị cho các hoạt động cải tổ, phát triển sản xuất, kinh doanh trong giai đoạn 2019 - 2024, năm 2019, HĐQT đã chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ quan trọng và đã được kết quả như sau:

Công tác điều hành tài chính tập trung: HĐQT đã biểu quyết thông qua việc bổ sung vốn điều lệ cho 2 công ty con trên cơ sở số vốn đã hỗ trợ cho các Công ty con. Cơ cấu vốn của PLC đang bị mất cân đối, nguồn vốn Chủ sở hữu chỉ đảm bảo tài trợ cho tài sản dài hạn và một phần nhỏ tài sản ngắn hạn, rủi ro là tương đối lớn do phần lớn nguồn vốn ngắn hạn phải đi vay từ các tổ chức tín dụng. Trong khi đó, chủ trương phát hành cổ phiếu để huy động vốn bên ngoài vẫn chưa thực hiện được.

Công tác tái cấu trúc: ĐHCĐ thường niên 2019 đã bầu HĐQT và BKS nhiệm kỳ mới, trên cơ sở nguồn cán bộ của nhiệm kỳ trước, có thay đổi 01 TV HĐQT là ông Lê Quang Tuấn - PTGD, đại diện vốn cho PLX tham gia HĐQT thay cho ông Nguyễn Văn Khánh. Sau ĐHCĐ, HĐQT tiếp tục tiến hành tái cấu trúc theo chỉ đạo của Tập đoàn, thành lập các tổ giúp việc phục vụ tái cấu trúc PLC. Các bộ phận, tổ giúp việc đang khẩn trương thực hiện công tác đánh giá toàn diện 3 ngành hàng kinh doanh, cũng như mô hình quản trị, mô hình tổ



chức hiện nay của PLC để báo cáo chủ sở hữu, ĐHĐCĐ phương án Tái cấu trúc PLC trong năm 2020, làm đà đổi mới toàn diện PLC giai đoạn 2019-2024.

Sau ĐHĐCĐ thường niên 2019, HĐQT PLC với 7 thành viên, bao gồm Chủ tịch HĐQT và 1 Thành viên HĐQT làm việc chuyên trách. HĐQT đã rà soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, để HĐQT hoạt động theo quy định của Điều lệ, nghị quyết ĐHĐCĐ và hiệu quả. Cụ thể như sau:

- 1- Ông Phạm Bá Nhuận - Chủ tịch HĐQT chuyên trách: phụ trách chung, hoạch định chiến lược phát triển trung và dài hạn, chỉ đạo công tác kế hoạch hóa, công tác nhân sự, lương thưởng.
- 2- Ông Nguyễn Văn Đức - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc: phụ trách, chỉ đạo phát triển ngành hàng dầu mỡ nhờn; trực tiếp phụ trách công tác kế hoạch hóa toàn PLC và phát triển hình ảnh PLC.
- 3- Ông Vũ Văn Chiến - Thành viên HĐQT: phụ trách, chỉ đạo phát triển ngành hàng nhựa đường và hoạt động của VP thông qua nhóm đại diện vốn.
- 4- Ông Hà Thanh Tuấn - Thành viên HĐQT: phụ trách, chỉ đạo phát triển ngành hàng hóa chất.
- 5- Ông Đỗ Hữu Tạo - Thành viên HĐQT: không điều hành, phụ trách công tác đầu tư, công nghệ.
- 6- Ông Nguyễn Hà Trung - Thành viên HĐQT chuyên trách: phụ trách công tác tài chính, quản trị rủi ro.
- 7- Ông Lê Quang Tuấn - Thành viên HĐQT: phụ trách công tác phát triển sản phẩm, định mức.

Năm 2019, HĐQT đã triệu tập 11 phiên họp và tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản 37 lần để ra nghị quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT quyết định (Chi tiết nội dung các nghị quyết, quyết định của HĐQT đã được công bố trong Báo cáo quản trị Tổng công ty năm 2019). Qua đó, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành, thông qua việc:

- Định kỳ hàng quý, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2019 từ đó đề ra những mục tiêu cụ thể và thông qua các chủ trương, tư vấn biện pháp thực hiện cho ban điều hành.
- Giám sát công tác đầu tư thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định.
- Tăng vốn cho các Công ty con.
- Thành lập Tổ giúp việc về các lĩnh vực hoạt động cho Tiểu ban giúp việc số 3 của Ban chỉ đạo tái cấu trúc Tổng công ty PLC.
- Chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên, phân tích tình hình kinh tế xã hội có liên quan để xác định mục tiêu kế hoạch năm 2020, trình ĐHĐCĐ phê duyệt và chỉ đạo, giám sát Tổng giám đốc tổ chức thực hiện.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị, trong năm qua, HĐQT đã tiếp tục xem xét, đánh giá và hoàn thiện hệ thống quy trình, từng bước nghiên cứu, áp dụng phương pháp quản trị tiên tiến. Kết quả được thể hiện qua:

- Các Quy chế như Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế quản lý công tác tổ chức cán bộ, Quy định về chế độ thông tin, báo cáo HĐQT Tổng công ty, Quy chế quản lý và hoạt động của người đại diện phần vốn của PLC đầu tư vào doanh nghiệp khác, Quy chế quản lý đầu tư

xây dựng... đồng thời HĐQT quyết định sửa đổi Điều lệ của các công ty con và yêu cầu HĐQT ban hành một số quy chế quản trị nội bộ để vận hành cho phù hợp với quy định của pháp luật và định hướng của HĐQT PLC.

- HĐQT PLC đã phê duyệt Danh sách quy hoạch diện HĐQT Tổng công ty PLC quản lý giai đoạn 2019 - 2025; Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và kéo dài thời gian giữ chức vụ của các cán bộ thuộc diện HĐQT quản lý đúng quy trình, quy định.
- HĐQT PLC đã phối hợp với BKS để tiến hành kiểm soát chuyên đề công tác tổ chức cán bộ, để có thông tin và rút kinh nghiệm cho các phương án tái cấu trúc.
- Tiếp tục chỉ đạo triển khai ứng dụng hệ thống thông tin quản trị hiện đại vào quản lý, ứng dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử, xây dựng bản mô tả công việc theo phương pháp tiên tiến, bước đầu chuẩn bị áp dụng hệ thống đánh giá chất lượng công việc hiện đại vào PLC.

Thực hiện các mục tiêu chiến lược của PLC trong giai đoạn 2019 - 2024 mà ĐHCĐ thường niên 2019 đã thông qua, đó là:

- Tiếp tục phát triển ổn định thị trường dầu nhờn trong nước thông qua sức mạnh của liên kết nội bộ tập đoàn Petrolimex, đồng thời phát triển thêm các kênh bán hàng mới phù hợp xu thế phát triển của thị trường, để giữ vững hiệu quả kinh doanh. Phấn đấu nâng hiệu quả sử dụng vốn của ngành hàng nhựa đường, hóa chất lên ngang mức trả cổ tức. Tích cực đầu tư, phát triển mạnh sang thị trường các nước lân cận để đảm bảo tổng lợi nhuận của toàn PLC tiếp tục tăng trưởng trong nhiệm kỳ tới.
- Cổ tức bằng tiền của cổ đông hàng năm không thấp hơn 12%, Tổng công ty vẫn có tích lũy, tái đầu tư để tăng vốn chủ sở hữu của PLC lên trên 1.600 tỷ đồng, trong đó, vốn đầu tư của chủ sở hữu trên 1.000 tỷ đồng.
- Tích cực triển khai các hệ thống quản trị tiên tiến vào doanh nghiệp, đáp ứng mục tiêu minh bạch thông tin, hội nhập các tiêu chuẩn quốc tế.
- Xây dựng Tổng công ty PLC thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội, trên cơ sở tôn trọng quyền lợi, nghĩa vụ với cổ đông, đối tác, khách hàng, nhân viên và cộng đồng.

Năm 2019, là năm bản lề của nhiệm kỳ HĐQT mới, kỷ niệm 25 năm thành lập Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, nền kinh tế phát triển ổn định, việc phát triển kinh doanh sang thị trường Lào và Campuchia đã có nhiều khởi sắc, nhưng quy mô còn nhỏ. Các nhiệm vụ cụ thể của năm 2019 không có biến động đột biến về sản lượng cũng như lợi nhuận đối với cả ba ngành hàng. Tuy nhiên, chỉ có ngành hàng DMN hoàn thành nhiệm vụ, còn các ngành hàng nhựa đường và hóa chất vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn và không thực hiện được nhiệm vụ kế hoạch. Ngoài các yếu tố khách quan về thị trường, khách hàng, đối thủ cạnh tranh, HĐQT cũng nghiêm túc kiểm điểm và chỉ ra những điểm chưa làm được trong năm 2019, như sau:

- Hiệu quả sử dụng vốn còn thấp, chỉ tiêu tuổi nợ không giảm mà còn có xu hướng tăng ở hai ngành hàng NĐ và HC. Các khoản nợ khó đòi của khách hàng NĐ chưa được giải quyết. Chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho chưa được cải thiện ở cả 3 ngành hàng.
- Chi phí kinh doanh đã được thắt chặt hơn nhưng trong khi chi phí tài chính Công ty mẹ giảm thì chi phí tài chính các Công ty NĐ, HC chưa có cải thiện, gia tăng so với kế hoạch, trong

điều kiện chính sách tài chính vĩ mô của nhà nước trong năm 2019 là tương đối ổn định và có lợi cho doanh nghiệp.

- Thị phần của các đối tác trong Petrolimex được giữ vững, nhưng PLC chưa phát triển được hệ thống khách hàng bên ngoài.

Những kết quả đạt được trong năm 2019 tuy chưa đạt được kỳ vọng của ĐHĐCĐ, nhưng đã thể hiện tinh thần làm việc nghiêm túc, vượt khó và cầu thị của HĐQT. HĐQT cũng xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác bền chặt của các khách hàng, các đối tác và đặc biệt là toàn thể CB-NLĐ đã nỗ lực góp sức tạo dựng PLC phát triển như ngày hôm nay. Mục tiêu nhiệm vụ giai đoạn 2019-2024 là rất nặng nề, nhất là trong tình hình toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng đang chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19. Chính phủ đã và đang triển khai các kịch bản theo tình hình dịch Covid-19 để chủ động ứng phó, nhưng theo báo cáo đánh giá ảnh hưởng của dịch Covid-19 đối với kinh tế xã hội Việt Nam, Bộ Kế hoạch và đầu tư đã giảm mức dự báo GDP từ 6,8% xuống chỉ còn 5,96% nếu dịch bệnh kéo dài đến quý II- mức thấp nhất trong 7 năm gần đây. Trong điều kiện hơn 1/2 thành viên HĐQT hiện nay sẽ kết thúc nhiệm vụ vào các năm tiếp theo của nhiệm kỳ, đòi hỏi HĐQT, ngay từ bây giờ, phải đào tạo, giới thiệu nhân sự có đủ năng lực với ĐHĐCĐ để tin nhiệm lựa chọn, chuyển giao nhiệm vụ cho một thể hệ mới đảm nhận trọng trách đưa PLC vững bước phát triển./.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH

Phạm Bá Nhuận



Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2020

BÁO CÁO

VỀ VIỆC QUYẾT TOÁN QTL VÀ THÙ LAO CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT VÀ CÁC THÀNH VIÊN BKS TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX NĂM 2019

- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty PLC đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/04/2019;
 - Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;
 - Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP về việc thông qua phương án về quỹ tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019 và kết quả sản xuất SXKD năm 2019 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP;
- Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2020 thông qua Báo cáo về việc quyết toán quỹ tiền lương và thù lao đối với các thành viên HĐQT, các thành viên BKS năm 2019 như sau:

1. Mức lương và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/04/2019. Theo đó, Tổng QTL và thù lao HĐQT năm 2019 là: **2.300.224.000 đồng.**
2. Quỹ thù lao của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/04/2019. Theo đó, Tổng thù lao của Ban kiểm soát năm 2019 là: **1.129.647.000 đồng.**

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2020 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH
Phạm Bá Nhuận



Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2020

PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2019
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020)

Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên 2020 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP;

HĐQT Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP đã xây dựng và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên 2020 Phương án phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2019 của Tổng công ty PLC với nội dung cơ bản sau:

Đơn vị tính: đồng

| TT | Chỉ tiêu | Giá trị | Ghi chú |
|----|---------------------------------|-----------------|---|
| 1 | Lợi nhuận thực hiện 2019 | 185.361.154.985 | |
| 2 | Thuế TNDN | 40.196.993.033 | |
| | Tr.đó: Thuế TNDN khác phát sinh | 3.448.123.216 | Thuế TNDN của thù lao TV HĐQT, BKS và các khoản chi phí chịu thuế khác; |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế phân phối | 143.060.827.140 | |
| 4 | Chia cổ tức | 121.196.349.000 | Chia cổ tức 15% bằng tiền |
| 5 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 8.796.458.425 | |
| 6 | Quỹ thưởng BQL điều hành Tcty | 508.903.083 | |
| 7 | Quỹ đầu tư phát triển | 12.559.116.631 | |

Kính đề nghị ĐHĐCĐ Tổng công ty thông qua Phương án phân phối Lợi nhuận thực hiện năm 2019 của Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH
Phạm Bá Nhuận



Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2020

TỜ TRÌNH KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Năm 2019 được đánh giá là năm hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex gặp rất nhiều khó khăn. Giá dầu thế giới biến động phức tạp, mặc dù kinh tế trong nước ổn định, lãi suất, tỷ giá, lạm phát biến động thấp; các ngành hàng kinh doanh của Tổng công ty chịu áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt; ngành hàng dầu mỡ nhờn gặp nhiều khó khăn, sản lượng tiêu thụ liên tục sụt giảm trong những năm gần đây, mặc dù đã triển khai nhiều chương trình nhằm thúc đẩy thị trường trong nước và tìm kiếm nhiều giải pháp gia tăng hoạt động xuất khẩu ra các nước trong khu vực, tuy nhiên hoạt động của ngành hàng dầu mỡ nhờn chưa được như kỳ vọng; Ngành hàng nhựa đường hiệu quả tiếp tục giảm thấp, hoạt động mang tính chu kỳ, trong nước một số dự án lớn đã hoàn thành hoặc triển khai chậm do vậy nhu cầu nhựa đường không còn nhiều, các dự án lớn mới triển khai ở giai đoạn đầu, tổng nhu cầu thị trường sụt giảm, mặt hàng đem lại lợi nhuận cao là Polyme và Nhũ tương chủ yếu phục vụ cho các dự án BOT vào giai đoạn hoàn thiện thì chưa bán được ở giai đoạn này, các đối thủ cạnh tranh trong những năm qua đã đầu tư thêm nhiều kho bãi và dùng nhiều hình thức cạnh tranh để tranh giành khách hàng và thị phần; ngành hàng hóa chất giữ ổn định được sản lượng nhưng lãi gộp mỏng cùng gánh nặng chi phí làm giảm đáng kể hiệu quả lợi nhuận trong năm.

Bước sang năm 2020, thế giới và Việt Nam đón nhận những tin tức không tốt đẹp khi dịch bệnh Covid-19 diễn ra trên phạm vi toàn thế giới; hậu quả của dịch bệnh đối với nền kinh tế toàn cầu sẽ rất lớn nhưng không thể đánh giá chính xác vào thời điểm này. Do ảnh hưởng của dịch bệnh, nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm từ dầu mỏ giảm nên trong những tháng đầu năm 2020 giá dầu thế giới sụt giảm với biên độ rầy mạnh chưa có trong lịch sử của ngành dầu mỏ và sẽ tiếp tục diễn biến khó lường trong những tháng tiếp theo. Theo dự báo mới nhất của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), sự lây lan của dịch bệnh Covid-19 và hệ quả là sự giảm tốc đột ngột của nền kinh tế toàn cầu sẽ làm tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2020 của Việt Nam giảm xuống mức 4,8%; lạm phát bình quân dự kiến ở mức 3,3%; tăng trưởng xuất khẩu sẽ giảm xuống 5,3%, tăng trưởng nhập khẩu giảm còn 4,7%; nếu các rủi ro do Covid-19 gia tăng, kinh tế có thể suy giảm mạnh hơn.

Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex trình ĐHCĐ kế hoạch kinh doanh và các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong năm 2020, cụ thể như sau:



1. Kế hoạch tài chính tổng hợp năm 2020:

| TT | CHỈ TIÊU | ĐVT | THỰC HIỆN NĂM 2019 | KẾ HOẠCH NĂM 2020 | KH 2020/TH 2019 |
|----|--------------------|---------|---------------------------|--------------------|-----------------|
| 1 | Sản lượng | Tấn; m3 | 386.769 | 345.855 | 89,42% |
| 2 | Doanh thu thuần | Triệu đ | 6.160.046 | 5.016.292 | 81,43% |
| 3 | Tổng LN trước thuế | Triệu đ | 185.361 | 138.000 | 74,45% |
| 4 | Tổng LN sau thuế | Triệu đ | 145.164 | 109.500 | 75,43% |
| 5 | Tỷ suất LNST/VCSH | % | 11,04% | 8,45% | 76,51% |
| 6 | Tỷ suất LNST/VĐL | % | 17,97% | 13,55% | 75,43% |
| 7 | Tỷ lệ chia cổ tức | % | Chia cổ tức 15% bằng tiền | Tối thiểu 80% LNST | |

(VCSH và VĐL để tính tỷ suất thực hiện năm 2019 là số bình quân cuối 4 quý, tỷ suất kế hoạch 2020 là cân đối vốn bình quân theo năm kế hoạch 2020)

Ngoài mục tiêu gia tăng sản lượng, mở rộng thị trường, TCT PLC duy trì mục tiêu tiết giảm chi phí và đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án trọng điểm, đảm bảo cân đối dòng tiền, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Kế hoạch đầu tư CSVCKT năm 2020:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư năm 2020 toàn TCT PLC là: 81.678 triệu đồng; bằng 73,0% so với TH 2019 (111.867 triệu đồng); trong đó:

- Đầu tư mới: Kế hoạch vốn đầu tư mới CSVCKT của toàn TCT PLC năm 2020 là 44.901 triệu đồng; bằng 59,0% so với TH 2019 (76.077 triệu đồng);
- Sửa chữa lớn: Kế hoạch vốn của toàn TCT PLC năm 2020 là: 26.579 triệu đồng; bằng 88,6% so với TH 2019 (30.012 triệu đồng).
- CNTT: Kế hoạch vốn đầu tư mới CSVCKT của toàn TCT PLC năm 2020 là 10.198 triệu đồng; bằng 176,50% so với TH 2019.

| TT | NỘI DUNG | KH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2020 (triệu đồng) | KH 2020 SO VỚI TH NĂM 2019 | |
|----|-------------------|-------------------------------------|------------------------------|------------------|
| | | | GIÁ TRỊ TH 2019 (triệu đồng) | % SO VỚI TH 2019 |
| 1 | Đầu tư mới | 44.901 | 76.077 | 59,0% |
| 2 | Sửa chữa lớn | 26.579 | 30.012 | 88,6% |
| 3 | CNTT | 10.198 | 5.778 | 176,5% |
| | Tổng cộng: | 81.678 | 111.867 | 73,0% |

Nhận thức rõ được tầm quan trọng và giá trị mang lại của hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tiên tiến, hiện đại, công nghệ sản xuất tiên tiến để sản xuất ra các sản phẩm chất lượng cao, mang thương hiệu Petrolimex, trong năm 2020, TCT PLC và các Công ty con trong hệ thống PLC tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng và hoàn thiện các công trình và hạng mục công trình trực tiếp phục vụ các ngành hàng sản xuất kinh doanh chính tại một số dự án, công trình đầu tư lớn, trọng điểm.

3. Các hoạt động trọng tâm khác trong năm 2020:

- Hoàn thiện xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế nhằm tăng cường khả năng quản trị, kiểm soát hoạt động doanh nghiệp.
- Triển khai đồng bộ các chính sách phát triển thị trường, gia tăng sản lượng bán, tiết giảm chi phí kinh doanh, chi phí tài chính trong toàn hệ thống, tăng cường quản lý và hoàn thiện hệ thống định mức chi phí; Tăng vòng quay hàng tồn kho; Hạn chế và kiểm soát tốt công nợ và tăng cường điều hành tài chính tập trung;
- Triển khai nhanh, hiệu quả phần mềm quản trị hệ thống ERP trong toàn hệ thống Công ty mẹ - Công ty con. Bước đầu chuẩn bị áp dụng hệ thống đánh giá chất lượng công việc hiện đại vào PLC.
- Thực hiện đúng quy trình, quy định về đầu tư. Đầu tư tập trung để rút ngắn thời gian triển khai, nhanh chóng đưa các công trình vào khai thác, sử dụng để tạo lợi thế, tận dụng được cơ hội kinh doanh.
- Nghiên cứu sản xuất và tiếp thị, nhanh chóng đưa các sản phẩm mới có hiệu quả kinh doanh cao vào thị trường Việt Nam và đưa sản phẩm PLC ra thị trường khu vực...



CHỦ TỊCH
Phạm Bá Nhuận





PETROLIMEX

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về phương án trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT và trả thù lao thành viên Ban kiểm soát năm 2020

- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty PLC đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/04/2019;
- Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và điều kiện thực tế của Tổng công ty PLC;

Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2020 về phương án trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT và trả thù lao thành viên Ban kiểm soát năm 2020, như sau:

1. Quỹ tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, thành viên BKS:

- o Tổng QTL và thù lao của HĐQT năm 2020 được hưởng là: **2.130 tỷ đồng**.
- o Tổng QTL và thù lao của BKS năm 2020 được hưởng là: **1.090 tỷ đồng**.

2. Phương thức trả thù lao cho các thành viên HĐQT, các thành viên BKS Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP năm 2020: Thực hiện tạm thanh toán hàng tháng và được quyết toán khi kết thúc năm tài chính. HĐQT Tổng công ty PLC sẽ báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua.

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2020 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH
Phạm Bá Nhuận



Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2020

TỜ TRÌNH**V/v. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP****Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP (Tổng công ty),

Ban kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ Tổng công ty v/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Tổng công ty như sau:

1. Các tiêu chí đánh giá, lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

- Là công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2020;

- Là đơn vị kiểm toán có uy tín, có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ và kinh nghiệm kiểm toán;

- Đáp ứng yêu cầu của Tổng công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;

- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán do Tổng công ty yêu cầu;

- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính (BCTC) của Tổng công ty.

2. Đề xuất Danh sách các công ty kiểm toán để lựa chọn:

Với các tiêu chí nêu trên, Ban kiểm soát đề xuất Danh sách các công ty kiểm toán để lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét BCTC năm 2020 của Tổng công ty gồm các công ty kiểm toán sau:

- Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG)

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte)

- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt

- Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

3. Đề xuất của Ban kiểm soát:

Từ những căn cứ nêu trên, Ban kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ thông qua các nội dung sau:

(1) Thông qua các tiêu chí đánh giá lựa chọn đơn vị kiểm toán tại Mục 1;

(2) Thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán tại Mục 2;

(3) Ủy quyền cho HĐQT Tổng công ty tổ chức lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét BCTC năm 2020 theo danh sách đề nghị tại Mục 2 đảm bảo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định!

Nơi nhận:

- Như trên;

- HĐQT;

- Lưu BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
Đoàn Hồng Sảng



PETROLIMEX

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2020

**THẺ LỆ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP**

Điều 1. Mục tiêu

- Đảm bảo tuân thủ pháp luật và các thông lệ tại Việt Nam;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổ đông;

Điều 2. Nguyên tắc bầu cử

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu với hình thức bỏ phiếu kín tại Đại hội.
- Phương thức bầu dồn phiếu: Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết (Phiếu bầu) tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu vào Hội đồng quản trị. Cổ đông/đại diện cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc bầu cho một số các ứng viên số phiếu bằng nhau. Tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.
- Phiếu bầu cử (theo mẫu đính kèm).
- Cách thức ghi phiếu bầu theo phương thức bầu dồn phiếu: Cổ đông chọn một trong hai cách: bầu dồn lệch hoặc bầu dồn đều.
 - **Bầu dồn lệch:** Cổ đông ghi trực tiếp số phiếu bầu vào cột Số phiếu bầu cho từng ứng cử viên. Số phiếu bầu ghi cho mỗi ứng cử viên có thể khác nhau. Cổ đông có quyền bầu hết toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho từ 1 đến một số ứng cử viên, phần phiếu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào. Đảm bảo nguyên tắc: Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu.
 - **Bầu dồn đều:** Cổ đông chỉ cần đánh dấu gạch chéo (X) cho mỗi ứng cử viên trong cột “ Số phiếu bầu ”. Mỗi ứng viên sẽ được số phiếu bầu bằng tổng số phiếu bầu chia (:) cho số lượng ứng viên được đánh dấu X . Ban Kiểm phiếu sẽ tự động chia tổng số phiếu được quyền bầu của cổ đông cho số lượng người được đánh dấu trong phiếu.

Ví dụ: Cổ đông sở hữu/đại diện sở hữu tổng số cổ phần tại Đại hội là 1.000 cổ phần thực hiện bầu 5 thành viên Hội đồng quản trị thì số phiếu bầu tối đa của cổ



đồng là: $1.000 \times 5 = 5.000$ phiếu. Cổ đông có quyền bầu hết toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu cho từ 1 đến 5 ứng cử viên, phần phiếu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào. Đảm bảo nguyên tắc: Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu là 5.000 phiếu. Trong đó có thể bầu:

- Bầu dồn lệch- Ví dụ:
 - Ứng cử viên số 1 = 1.000 phiếu;
 - Ứng cử viên số 2 = 2.000 phiếu
 - Ứng cử viên số 3 = 1.000 phiếu
 - Ứng cử viên số 4 = 500 phiếu
 - Ứng cử viên số 5 = 500 phiếu
- Bầu dồn đều- Ví dụ:
 - Đánh dấu X cho cả 5 ứng viên, nghĩa là mỗi ứng viên được bầu 1.000 phiếu;
 - Đánh dấu X cho 4 ứng viên: nghĩa là mỗi ứng viên được đánh dấu có số phiếu bầu là $5000/4 = 1.250$ phiếu.
 - Đánh dấu X cho 3 ứng viên: nghĩa là mỗi ứng viên được đánh dấu có số phiếu bầu là $5000/3 = 1.666$ phiếu (chỉ tính phiếu chẵn đến hàng đơn vị).
 - Đánh dấu X cho 2 ứng viên: nghĩa là mỗi ứng viên được đánh dấu có số phiếu bầu là $5000/2 = 2.500$ phiếu.

Điều 3. Số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

- a. Theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, số lượng thành viên HĐQT là bảy (07) người.
- b. ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu bổ sung 02 TV HĐQT và cơ cấu thành phần trong HĐQT PLC có 02 là thành viên không điều hành và thành viên độc lập.

Điều 4. Quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT PLC

Theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng tính đến thời điểm 10/04/2020 (ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của PLC) có quyền gộp số quyền biểu quyết thành nhóm để đề cử các ứng viên vào HĐQT.

- a. Quyền đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị được quy định như sau:
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên;
- b. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 5. Tiêu chuẩn, điều kiện của người ứng cử, đề cử thành viên HĐQT:

Tiêu chuẩn, điều kiện của những người ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex như sau:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b. Là người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chính của Tổng công ty PLC.
- c. Không phải là người có liên quan của người quản lý và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của cổ đông sở hữu cổ phần chi phối tại Tổng công ty PLC là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Người có liên quan được quy định tại Điều 151 khoản 1 Luật Doanh nghiệp; Điều 6 khoản 34 Luật Chứng khoán).
- d. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty PLC.

Điều 6. Những người sau đây không được làm thành viên HĐQT:

- a. Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;
- b. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;
- c. Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo uỷ quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại PLC;
- d. Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- e. Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Toà án cấm hành nghề kinh doanh;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản: Người từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp doanh của công ty hợp doanh, Tổng giám đốc, Giám đốc, thành viên HĐQT, thành viên BKS của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã trong thời điểm các doanh nghiệp và hợp tác xã này bị tuyên bố phá sản (Trừ trường hợp các doanh nghiệp và hợp tác xã này bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng);
- g. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp đó bị đình chỉ hoạt động, bị buộc phải giải thể do vi phạm pháp luật, trừ trường hợp là đại diện

- theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
- h. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng chống tham nhũng;
 - i. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 7. Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

Các cổ đông, nhóm cổ đông có nhu cầu và có quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT của PLC phải gửi hồ sơ đến Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP tối thiểu 3 ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ để Ban tổ chức Đại hội thẩm định hồ sơ. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị của cổ đông gồm:

1. Đơn đề cử/ứng cử thành viên HĐQT và cam kết (theo mẫu);
2. Trích yếu lý lịch cá nhân có dán ảnh (theo mẫu) có xác nhận của cơ quan nơi làm việc hoặc của UBND địa phương nơi có hộ khẩu thường trú;
3. Bản sao có công chứng các giấy tờ: Chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn;
4. Văn bản của cổ đông là tổ chức hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên làm đại diện tham gia vào HĐQT của Tổng công ty PLC (theo mẫu).

Điều 8. Quy định phiếu bầu cử

1. Phiếu bầu hợp lệ:
 - Là Phiếu giấy hoặc phiếu điện tử do Ban tổ chức Đại hội phát ra theo mẫu thống nhất đã được công bố trên website của Tổng công ty, không sửa, tẩy, xóa;
 - Phiếu bầu cho những người trong danh sách bầu cử đã được Đại hội thông qua;
 - Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông bầu cho các ứng viên bằng hoặc nhỏ hơn tổng số quyền biểu quyết của cổ đông.
2. Phiếu bầu không hợp lệ:
 - Là Phiếu bầu không do Ban tổ chức Đại hội phát hành;
 - Phiếu bị rách, gach, tẩy, xóa, sửa chữa;
 - Phiếu bầu cho số ứng viên nhiều hơn số thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên đã được Đại hội thông qua;
 - Tổng số phiếu bầu của cổ đông bầu cho tất cả các ứng cử viên cộng lại lớn hơn tổng số phiếu được quyền bầu của cổ đông;
 - Cổ đông gạch tên ứng cử viên hoặc ghi thêm tên người khác vào danh sách;
 - Số lượng phiếu biểu quyết ghi bằng % ;
 - Phiếu bầu đồng thời vừa ghi số lượng phiếu bầu và vừa đánh dấu (X);

Điều 9. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT

1. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu biểu quyết tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu biểu quyết cao nhất cho đến khi đủ số thành viên do Đại hội đồng cổ đông quy định. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu biểu quyết như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu biểu quyết ngang nhau;

2. Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại Đại hội, cổ đông không được phản đối tính hợp lệ này bất kỳ lúc nào khác. Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban kiểm phiếu kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

Điều 10. Nguyên tắc kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu là 5 người do Đại hội đồng cổ đông bầu theo đề nghị của Chủ tọa ĐHĐCĐ.
2. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi Thẻ lệ bầu cử này được ĐHĐCĐ thông qua và kết thúc vào thời gian do ĐHĐCĐ ấn định bỏ phiếu xong, để cổ đông và đại diện cổ đông thực hiện quyền bầu cử, phù hợp với chương trình Đại hội.
3. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu, công bố số lượng phiếu thu về trước sự chứng kiến của các cổ đông trước khi mang đi kiểm phiếu.
4. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.
5. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.



TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH
Phạm Bá Nhuận



Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2020

BÁO CÁO
Danh sách nhân sự đề cử bầu bổ sung
vào HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP, nhiệm kỳ 2019 - 2024

Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên 2020 Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex

- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (PLC);
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty PLC;

Theo đề nghị của cổ đông chi phối - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Tập đoàn), các thành viên Hội đồng quản trị PLC - đại diện vốn của Tập đoàn tại PLC là ông Phạm Bá Nhuận - Chủ tịch HĐQT và ông Nguyễn Văn Đức - UV HĐQT TCT sẽ thôi tham HĐQT PLC sau ĐHĐCĐ thường niên 2020.

Để đảm bảo các hoạt động quản lý, điều hành của PLC trong thời gian tiếp theo, HĐQT đương nhiệm đã thông báo tới các cổ đông đủ điều kiện (theo Dự thảo Thẻ lệ bầu cử đính kèm) tham gia đề cử, ứng cử để bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị của PLC nhiệm kỳ 2019 - 2024.

Thực hiện thủ tục chuẩn bị nhân sự đề cử, ứng cử theo các quy định nêu trên tại ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị PLC xin báo cáo kết quả thực hiện quyền đề cử, ứng cử của các cổ đông giới thiệu nhân sự để bầu vào Hội đồng quản trị (HĐQT) của PLC cho nhiệm kỳ 2019 - 2024 như sau:

1. Tập đoàn xăng dầu Việt nam (PLX) là Cổ đông chi phối của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (PLC) có số cổ phần chiếm 79,07% Vốn điều lệ của PLC, đã đề cử 02 người tham gia ứng cử bổ sung vào HĐQT PLC nhiệm kỳ 2019 - 2024 theo đúng quy định của thẻ lệ bầu cử.
2. Ngoài Tập đoàn xăng dầu Việt Nam là Cổ đông chi phối của Tổng công ty PLC đề cử người tham gia ứng cử bổ sung vào HĐQT PLC, đến ngày 22/05/2020, không có cổ đông hoặc nhóm cổ đông nào khác gửi hồ sơ ứng cử, đề cử người tham gia ứng cử bổ sung vào HĐQT PLC nhiệm kỳ 2019 - 2024.
3. HĐQT PLC đã thẩm định hồ sơ của các ứng cử viên, tất cả các ứng cử viên do Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam đề cử đều đảm bảo đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty PLC và Thẻ lệ bầu cử.



4. Danh sách đề cử tham gia Hội đồng quản trị PLC:

| TT | Họ và tên | Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay | Đại diện |
|----|---|--|---|
| | Đề cử của Cổ đông chi phối - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam | | |
| 1 | Ông Nguyễn Thanh Khương | Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty Xăng dầu Bắc Thái | Người đại diện vốn của Tập đoàn Xăng dầu VN tại PLC |
| 2 | Ông Trần Tuấn Linh | Trưởng ban quản trị rủi ro HĐQT Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam | Người đại diện vốn của Tập đoàn Xăng dầu VN tại PLC |

Kính trình ĐHCĐ thường niên năm 2020 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP xem xét, thông qua danh sách đề cử.

Trân trọng cảm ơn!



CHỦ TỊCH
Phạm Bá Nhuận





PETROLIMEX

Hà nội, ngày 25 tháng 05 năm 2020



**BÁO CÁO KIỂM TRA XÁC NHẬN TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
VÀ ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP**

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex - CTCP;
- Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-PLC-HĐQT ngày 10/04/2020 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex về việc thành lập Ban Kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và Đại diện cổ đông.

Hôm nay, vào hồi 13h30 ngày 25 tháng 05 năm 2020 tại TP.Hà Nội, Ban Kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và Đại diện cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex (gồm các ông/bà có tên sau đây):

| STT | Họ và Tên | Đơn vị, chức vụ | Nhiệm vụ |
|-----|--------------------------|---|------------|
| 1 | Bà Nguyễn Thị Hương Thảo | Phó Ban Tổng hợp HĐQT TCT PLC | Trưởng Ban |
| 2 | Ông Nguyễn Mạnh Hùng | Trưởng Phòng KD DMN TĐL TCT PLC | Phó Ban |
| 3 | Ông Lê Anh Đức | Phó Ban Tài chính - Đầu tư HĐQT TCT PLC | Thành viên |
| 4 | Ông Đỗ Bảo Anh | Phó Ban Tài chính - Đầu tư HĐQT TCT PLC | Thành viên |
| 5 | Ông Nguyễn Bá Hùng | Trưởng Phòng TCHC PLC Hóa chất | Thành viên |
| 6 | Ông Nguyễn Xuân Trinh | Trưởng Phòng QTKD SP PLC Nhựa đường | Thành viên |
| 7 | Ông Phạm Quang Thắng | Chuyên viên P.CNTT TCT PLC | Thành viên |
| 8 | Ông Vũ Đức Mạnh | Chuyên viên P.CNTT TCT PLC | Thành viên |

- Căn cứ Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền bỏ phiếu của Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex, ngày đăng ký cuối cùng 10/04/2020, số V630/2020-PLC/VSD-ĐK do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp ngày 14/04/2020.

Ban kiểm tra tư cách cổ đông đã tiến hành kiểm tra tư cách Cổ đông và Đại diện cổ đông đăng ký biểu quyết từ và dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex. Chúng tôi xác nhận kết quả như sau:

1. Số lượng cổ đông được quyền tham dự Đại hội:

- Theo Danh sách Cổ đông chốt ngày 10/04/2020, tổng số có **2.144** Cổ đông sở hữu tương ứng **80.798.839** cổ phần. Trong đó: trừ **1.273** cổ phần là cổ phiếu quỹ của

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, còn **2.143** Cổ đông tương ứng **80.797.566** cổ phần có quyền biểu quyết được quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, bao gồm:

- Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam là Cổ đông có cổ phần chi phối, sở hữu **63.889.259** cổ phần chiếm **79,07%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, đã cử 06 đại diện theo Quyết định số 247/PLX-QĐ-HĐQT ngày 18/05/2020 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam. Ngoài Tập đoàn xăng dầu Việt Nam là Cổ đông chi phối, không có cổ đông hoặc nhóm cổ đông nào nắm giữ từ **5%** tổng số cổ phần trở lên.
- Ngoài Tập đoàn Xăng dầu VN, tổng số cổ phần do cổ đông trong nước sở hữu là **16.021.105** cổ phần **19,83%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trong đó, cổ đông là cá nhân chiếm **16,34%** và cổ đông là tổ chức chiếm **1,21%**.
- Tổng số cổ phần do cổ đông nước ngoài sở hữu là **888.475** cổ phần chiếm **1,10%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trong đó cổ đông cá nhân chiếm **0,09%** và cổ đông là tổ chức chiếm **1,01%**.

2. Về số Cổ đông và Đại diện cổ đông thực tế có mặt tham dự Đại hội:

2.1. Thông báo lần 1- Lúc 13h30- Khai mạc Đại hội:

- a. Tổng số cổ phần do Cổ đông và Đại diện cổ đông tham dự Đại hội sở hữu là **67.840.926** cổ phần, chiếm tỷ lệ **83,96 %** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trong đó:

- Đại diện của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam là Cổ đông chi phối: có 06 người, đại diện cho số cổ phần là **63.889.259** cổ phần, chiếm tỷ lệ **79,07%** tổng số cổ phần của Cổ đông và Đại diện cổ đông dự họp;
 - Các cổ đông đăng ký thực hiện biểu quyết từ xa có tổng số cổ phần là: **0** cổ phần, chiếm tỷ lệ **0 %** tổng số cổ phần của Cổ đông và Đại diện cổ đông dự họp.
 - Các cổ đông và Đại diện cổ đông còn lại tham dự trực tiếp tại ĐHQĐ, đại diện cho tổng số cổ phần là: **3.951.667** cổ phần, chiếm tỷ lệ **5,82 %** tổng số cổ phần của Cổ đông và Đại diện cổ đông dự họp;
- b. Số cổ đông không trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020; không ủy quyền cử đại diện đến dự; không thực hiện biểu quyết từ xa có tổng số cổ phần là **12.957.913** cổ phần, chiếm tỷ lệ **16,04 %** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Ban kiểm tra xác nhận:

- Cổ đông và Đại diện cổ đông đăng ký tham dự Đại hội đều có đầy đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex; tất cả đều có quyền tham dự, phát biểu và biểu quyết trực tiếp tại Đại hội; đồng thời có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung chương trình, thể lệ làm việc của Đại hội và tuân thủ các quy định về cổ đông theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex.
- Với số Cổ đông và Đại diện cổ đông tham dự Đại hội vào giờ Khai mạc Đại hội, đại diện cho **67.840.926** cổ phần, chiếm tỷ lệ **83,96 %** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 68 năm 2014 và Điều lệ Tổng công



sh


ty Hóa dầu Petrolimex, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex đã hội đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

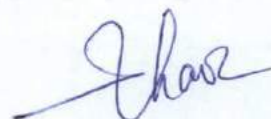
- Trong quá trình Đại hội tiến hành, các Cổ đông đến dự sau giờ Khai mạc sẽ được tiếp tục đăng ký kiểm tra xác nhận và có quyền biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Ban Kiểm tra tiếp tục làm việc và thông báo bổ sung với Đoàn Chủ tịch để thông báo tới Đại hội.
- **Thông báo bổ sung lần 2- lúc** - thời điểm biểu quyết: Tổng số cổ phần sở hữu 67.874.555 cổ phần, chiếm tỷ lệ 84,00 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trân trọng cảm ơn!

ĐẠI DIỆN THÀNH VIÊN

TRƯỞNG BAN


Nguyễn Mai Huệ


Nguyễn Mi-Hương Thảo




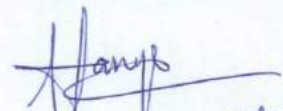
ĐẠI DIỆN BÀN 1

ĐẠI DIỆN BÀN 2

ĐẠI DIỆN BÀN 3


Vũ Đức Mạnh


Đỗ Bảo Anh


Phạm Quang Thảo



PETROLIMEX

BIÊN BẢN

KIỂM PHIẾU BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020

1. **Thời gian:** Từ 15h50 đến 16h10, ngày 25/05/2020
2. **Địa điểm:** Hội trường tầng 4 - Trung tâm Hội nghị Mipecc Palace
Số 229 Tây Sơn - Phường Ngã Tư Sở - Quận Đống Đa - Hà Nội.
3. **Ban kiểm phiếu bầu cử gồm :**

- Bà Nguyễn Thị Hương Thảo, Phó Ban Tổng hợp HĐQT TCT : Trưởng Ban
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Trưởng phòng KD DMN Tổng đại lý TCT : Thành viên
- Ông Lê Anh Đức, Phó Ban Tài chính - Đầu tư HĐQT : Thành viên
- Ông Nguyễn Bá Hùng, Trưởng phòng TCHC Công ty Hóa chất : Thành viên
- Ông Nguyễn Xuân Trinh, Trưởng phòng QTKDSP Cty Nhựa đường : Thành viên

Đã tiến hành kiểm phiếu bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT TCT PLC Nhiệm kỳ 2019 - 2024 theo đúng quy định của Thẻ lệ Bầu cử bổ sung TV HĐQT của TCT PLC do ĐHCĐ thường niên 2020 nhất trí thông qua. Kết quả cụ thể như sau:

- 1) Tổng số **phiếu bầu cử** Ban kiểm tra tư cách cổ đông **đã phát ra** là 44 phiếu, đại diện cho 67.893.756 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng 135.787.512 cổ phần bầu.
- 2) Tổng số phiếu Ban kiểm **phiếu bầu cử thu về** là 41 phiếu, đại diện cho 67.874.555 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng 135.749.110 Phiếu bầu.
- 3) Tổng số phiếu bầu cử **hợp lệ** là 41 phiếu, đại diện cho 67.874.555 cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng 135.749.110 Phiếu bầu.
- 4) Tổng số phiếu bầu cử **không hợp lệ** là 0 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần có quyền biểu quyết, tương ứng 0 Phiếu bầu.
- 5) Kết quả bầu cử như sau (xếp theo thứ tự bảng chữ cái của tên người được bầu cử):

| STT | Họ và tên | Số cổ phần bầu | Tỷ lệ so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của số phiếu bầu cử hợp lệ |
|-----|---------------------|----------------|---|
| 1 | Nguyễn Thanh Khương | 68.734.368 | 101,27% |
| 2 | Trần Tuấn Linh | 67.014.742 | 98,73% |



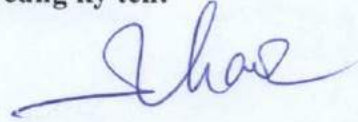
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP;
- Căn cứ Thể lệ bầu cử bổ sung TV HĐQT PLC nhiệm kỳ 2019 - 2024,

Các ông có tên sau đã trúng cử vào HĐQT nhiệm kỳ 2019 - 2024 của PLC:

- 1 Ông Nguyễn Thanh Khương
- 2 Ông Trần Tuấn Linh

Các thành viên Ban Kiểm phiếu bầu cử nhất trí cùng ký tên:

- Bà Nguyễn Thị Hương Thảo (Trưởng Ban)



- Ông Nguyễn Mạnh Hùng



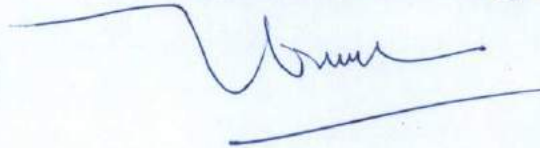
- Ông Lê Anh Đức



- Ông Nguyễn Bá Hùng



- Ông Nguyễn Xuân Trinh



2. Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Tổng công ty PLC

Tổng số cổ phần tại thời điểm biểu quyết: 67.874.555 cổ phần

Kết quả biểu quyết

| Biểu quyết | Số người | Số CP | Tỷ lệ % | Số TT của CĐ (trên Phiếu biểu quyết) |
|-------------------|-----------------|--------------|----------------|---|
| Nhất trí | | 67.874.555 | 100% | |
| Không nhất trí | | | | |
| Không có ý kiến | | | | |

3. Báo cáo của HĐQT Tổng công ty PLC năm 2019

Tổng số cổ phần tại thời điểm biểu quyết: 67.874.555 cổ phần

Kết quả biểu quyết

| Biểu quyết | Số người | Số CP | Tỷ lệ % | Số TT của CĐ (trên Phiếu biểu quyết) |
|-------------------|-----------------|--------------|----------------|---|
| Nhất trí | | 67.874.555 | 100% | |
| Không nhất trí | | | | |
| Không có ý kiến | | | | |

4. Báo cáo Quyết toán QTL và thù lao của các TV HĐQT, các TV BKS PLC năm 2019

Tổng số cổ phần tại thời điểm biểu quyết: 67.874.555 cổ phần

Kết quả biểu quyết

| Biểu quyết | Số người | Số CP | Tỷ lệ % | Số TT của CĐ (trên Phiếu biểu quyết) |
|-------------------|-----------------|--------------|----------------|---|
| Nhất trí | | 67.874.555 | 100% | |
| Không nhất trí | | | | |
| Không có ý kiến | | | | |

5. Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận và mức chia cổ tức năm 2019

Tổng số cổ phần tại thời điểm biểu quyết: 67.874.555 cổ phần

Kết quả biểu quyết

| Biểu quyết | Số người | Số CP | Tỷ lệ % | Số TT của CĐ (trên Phiếu biểu quyết) |
|-------------------|-----------------|--------------|----------------|---|
| Nhất trí | | 67.874.555 | 100% | |
| Không nhất trí | | | | |
| Không có ý kiến | | | | |

6. Tờ trình Kế hoạch SXKD năm 2020 của PLC

Tổng số cổ phần tại thời điểm biểu quyết: 67.874.555 cổ phần

Kết quả biểu quyết

| Biểu quyết | Số người | Số CP | Tỷ lệ % | Số TT của CĐ (trên Phiếu biểu quyết) |
|-------------------|-----------------|--------------|----------------|---|
| Nhất trí | | 67.874.555 | 100% | |
| Không nhất trí | | | | |
| Không có ý kiến | | | | |

7. Tờ trình Phương án trả thù lao cho các TV HĐQT, các TV BKS PLC năm 2020

Tổng số cổ phần tại thời điểm biểu quyết: 67.874.555 cổ phần

Kết quả biểu quyết

| Biểu quyết | Số người | Số CP | Tỷ lệ % | Số TT của CĐ (trên Phiếu biểu quyết) |
|-------------------|-----------------|--------------|----------------|---|
| Nhất trí | | 67.874.555 | 100% | |
| Không nhất trí | | | | |
| Không có ý kiến | | | | |

8. Tờ trình Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính Tổng công ty PLC năm 2020

Tổng số cổ phần tại thời điểm biểu quyết: 67.874.555 cổ phần

Kết quả biểu quyết

| Biểu quyết | Số người | Số CP | Tỷ lệ % | Số TT của CĐ (trên Phiếu biểu quyết) |
|-------------------|-----------------|--------------|----------------|---|
| Nhất trí | | 67.874.555 | 100% | |
| Không nhất trí | | | | |
| Không có ý kiến | | | | |

9. Thể lệ bầu cử thành viên HĐQT Tổng công ty PLC

Tổng số cổ phần tại thời điểm biểu quyết: 67.874.555 cổ phần

Kết quả biểu quyết

| Biểu quyết | Số người | Số CP | Tỷ lệ % | Số TT của CĐ (trên Phiếu biểu quyết) |
|-------------------|-----------------|--------------|----------------|---|
| Nhất trí | | 67.874.555 | 100% | |
| Không nhất trí | | | | |
| Không có ý kiến | | | | |

10. Danh sách bầu cử thành viên HĐQT Tổng công ty PLC

Tổng số cổ phần tại thời điểm biểu quyết: 67.874.555 cổ phần

Kết quả biểu quyết

| Biểu quyết | Số người | Số CP | Tỷ lệ % | Số TT của CĐ (trên Phiếu biểu quyết) |
|-------------------|-----------------|--------------|----------------|---|
| Nhất trí | | 67.874.555 | 100% | |
| Không nhất trí | | | | |
| Không có ý kiến | | | | |

| 11. Danh sách Ban Kiểm phiếu bầu cử tại Đại hội | | | | |
|--|-----------------|--------------|----------------|---|
| Tổng số cổ phần tại thời điểm biểu quyết: 67.874.555 cổ phần | | | | |
| Kết quả biểu quyết | | | | |
| Biểu quyết | Số người | Số CP | Tỷ lệ % | Số TT của CĐ (trên Phiếu biểu quyết) |
| Nhất trí | | 67.874.555 | 100% | |
| Không nhất trí | | | | |
| Không có ý kiến | | | | |

| 12. Nghị quyết ĐHĐCĐ 2020 | | | | |
|--|-----------------|--------------|----------------|---|
| Tổng số cổ phần tại thời điểm biểu quyết: 67.874.555 cổ phần | | | | |
| Kết quả biểu quyết | | | | |
| Biểu quyết | Số người | Số CP | Tỷ lệ % | Số TT của CĐ (trên Phiếu biểu quyết) |
| Nhất trí | | 67.874.555 | 100% | |
| Không nhất trí | | | | |
| Không có ý kiến | | | | |

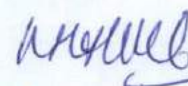
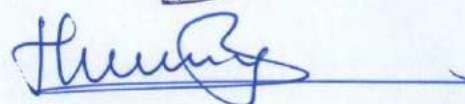
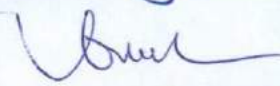
Các thành viên Ban kiểm phiếu biểu quyết nhất trí cùng ký tên:

1. Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Tô Trưởng

2. Ông Nguyễn Bá Hùng - Thành viên

3. Ông Nguyễn Xuân Trinh - Thành viên

4. Ông Đỗ Bảo Anh - Thành viên




Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thông tin về Tổng công ty

Quyết định cổ phần hóa số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) tên cũ là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là ngày 1 tháng 3 năm 2004.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0101463614 ngày 16 tháng 8 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 2 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 16 tháng 8 năm 2016.

Hội đồng Quản trị

| | |
|----------------------|----------------------|
| Ông Phạm Bá Nhuận | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Văn Đức | Thành viên |
| Ông Vũ Văn Chiến | Thành viên |
| Ông Hà Thanh Tuấn | Thành viên |
| Ông Đỗ Hữu Tạo | Thành viên |
| Ông Nguyễn Hà Trung | Thành viên |
| Ông Lê Quang Tuấn | Thành viên |
| | (từ ngày 22/4/2019) |
| Ông Nguyễn Văn Khánh | Thành viên |
| | (đến ngày 22/4/2019) |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|--------------------|---------------------|
| Ông Nguyễn Văn Đức | Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Quang Tuấn | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Ngô Đức Giang | Phó Tổng Giám đốc |
| | (đến ngày 6/8/2019) |

Ban Kiểm soát

| | |
|----------------------|--------------------------|
| Ông Đoàn Hồng Sáng | Trưởng Ban kiểm soát |
| Ông Phạm Tuấn Phương | Thành viên Ban kiểm soát |
| Ông Tống Văn Hải | Thành viên Ban kiểm soát |

Trụ sở đăng ký

Tầng 18&19, Số 229 Phố Tây Sơn
Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 50 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 3 tháng 4 năm 2020



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 3 tháng 4 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 50.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc tới Thuyết minh 40 của báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó có đề cập đến việc một số số liệu so sánh tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được điều chỉnh lại theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước. Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ về vấn đề này.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-02-00131-20-2



Wang Toon Kim
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 3 tháng 4 năm 2020



Phạm Thị Thùy Linh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0365-2019-007-1

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại |
|---|--------------|--------------------|---------------------------|---|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 3.308.424.386.005 | 3.796.855.857.485 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 416.998.526.083 | 583.654.569.745 |
| Tiền | 111 | | 216.998.526.083 | 238.654.569.745 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 200.000.000.000 | 345.000.000.000 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 260.000.000.000 | 110.809.348.225 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 6 | 260.000.000.000 | 110.809.348.225 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 1.568.634.391.937 | 1.879.061.716.476 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 7 | 1.671.965.977.147 | 1.961.788.378.146 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 51.334.941.717 | 65.456.780.201 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8(a) | 20.292.054.062 | 24.767.983.838 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 9 | (174.958.580.989) | (174.112.269.929) |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | 1.160.844.220 |
| Hàng tồn kho | 140 | 10 | 989.890.962.425 | 1.139.100.144.752 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 989.890.962.425 | 1.139.100.144.752 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 72.900.505.560 | 84.230.078.287 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 5.043.306.870 | 5.548.179.434 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 61.191.805.006 | 77.441.856.931 |
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 153 | 18 | 6.665.393.684 | 1.240.041.922 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------------------|
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260) | 200 | | 1.156.010.566.369 | 1.061.388.948.861 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 4.671.357.437 | 4.258.194.500 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | 8(b) | 4.671.357.437 | 4.258.194.500 |
| Tài sản cố định | 220 | | 767.704.213.470 | 687.069.310.400 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 11 | 763.037.659.609 | 682.593.993.727 |
| Nguyên giá | 222 | | 1.436.116.030.000 | 1.283.916.863.607 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (673.078.370.391) | (601.322.869.880) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 12 | 4.666.553.861 | 4.475.316.673 |
| Nguyên giá | 228 | | 11.271.415.312 | 10.371.535.312 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (6.604.861.451) | (5.896.218.639) |
| Bất động sản đầu tư | 230 | | - | 3.234.686.485 |
| Nguyên giá | 231 | 13 | - | 3.234.686.485 |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 187.356.203.753 | 161.622.078.712 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 14 | 187.356.203.753 | 161.622.078.712 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 31.533.030.158 | 43.534.152.089 |
| Đầu tư vào công ty liên kết | 252 | 15 | 31.533.030.158 | 43.534.152.089 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 164.745.761.551 | 161.670.526.675 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 16 | 164.745.761.551 | 161.670.526.675 |
| TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 4.464.434.952.374 | 4.858.244.806.346 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 3.142.609.666.080 | 3.536.895.247.773 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 3.023.818.407.804 | 3.448.541.089.131 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 17 | 1.303.707.671.543 | 1.139.012.442.445 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 24.037.064.202 | 11.302.020.252 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 18 | 25.650.237.434 | 40.377.045.910 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 22.699.552.364 | 52.820.969.832 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 19 | 13.377.538.802 | 19.115.927.970 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 20 | 22.669.095.965 | 22.452.493.869 |
| Vay ngắn hạn | 320 | 21(a) | 1.605.206.416.678 | 2.159.810.073.891 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 22 | 6.470.830.816 | 3.650.114.962 |
| Vay dài hạn | 330 | | 118.791.258.276 | 88.354.158.642 |
| Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | 8.620.200.983 | - |
| Vay dài hạn | 338 | 21(b) | 108.758.449.420 | 88.354.158.642 |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | 1.412.607.873 | - |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 1.321.825.286.294 | 1.321.349.558.573 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 23 | 1.321.825.286.294 | 1.321.349.558.573 |
| Vốn cổ phần | 411 | 24 | 807.988.390.000 | 807.988.390.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 807.988.390.000 | 807.988.390.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 3.561.050.000 | 3.561.050.000 |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 466.200.000 | 466.200.000 |
| Cổ phiếu quỹ | 415 | 24 | (12.730.000) | (12.730.000) |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | 486.759.603 | (75.378.983) |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 26 | 345.201.116.411 | 338.290.620.318 |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 21.073.673.140 | 20.463.604.691 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 23 | 143.060.827.140 | 150.667.802.547 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | (1.785.939.430) | 2.058.606.676 |
| - LNST chưa phân phối năm nay | 421b | | 144.846.766.570 | 148.609.195.871 |
| TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 4.464.434.952.374 | 4.858.244.806.346 |

Ngày 3 tháng 4 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2019 VND | 2018 VND Đã điều chỉnh lại |
|---|-----------|-------------|--------------------------|----------------------------------|
| Doanh thu bán hàng | 01 | 28 | 6.160.045.784.751 | 6.436.721.061.854 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 28 | - | 2.346.752.147 |
| Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02) | 10 | 28 | 6.160.045.784.751 | 6.434.374.309.707 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 29 | 5.319.485.353.753 | 5.559.672.265.128 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11) | 20 | | 840.560.430.998 | 874.702.044.579 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 30 | 44.108.876.437 | 31.551.861.295 |
| Chi phí tài chính | 22 | 31 | 137.239.836.013 | 111.784.576.650 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 127.080.101.022 | 86.442.840.497 |
| Phần lỗ trong công ty liên kết | 24 | | (12.001.121.931) | (19.698.489.700) |
| Chi phí bán hàng | 25 | 32 | 468.666.924.531 | 491.712.217.641 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 33 | 105.293.152.047 | 95.848.963.644 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26) | 30 | | 161.468.272.913 | 187.209.658.239 |
| Thu nhập khác | 31 | 34 | 27.580.737.520 | 9.550.049.163 |
| Chi phí khác | 32 | | 3.687.855.448 | 1.806.733.552 |
| Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 23.892.882.072 | 7.743.315.611 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 185.361.154.985 | 194.952.973.850 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 36 | 38.784.385.160 | 46.343.777.979 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | 1.412.607.873 | - |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) | 60 | | 145.164.161.952 | 148.609.195.871 |
| Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ | 61 | | 145.164.161.952 | 148.609.195.871 |
| Lãi trên cổ phiếu | | | | |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 37 | 1.599 | 1.712 |

Ngày 3 tháng 4 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | 2019 VND | 2018 VND Đã điều chỉnh lại |
|--|--------------|--------------------------|---|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | 185.361.154.985 | 194.952.973.850 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | 78.012.470.516 | 64.238.160.803 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 846.311.060 | (13.604.418.502) |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | (1.534.925.168) | (1.487.054.180) |
| (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (34.607.940.873) | 1.306.955 |
| Chi phí lãi vay | 06 | 127.080.101.022 | 86.442.840.497 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | 355.157.171.542 | 330.543.809.423 |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | 335.501.668.323 | (349.681.304.872) |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | 149.209.182.327 | (362.370.615.087) |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | 152.790.077.924 | 385.226.837.648 |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | (5.409.016.787) | (4.463.015.666) |
| | | 987.249.083.329 | (744.288.554) |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (127.889.306.378) | (85.633.635.141) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (50.035.793.266) | (40.475.633.063) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (13.143.777.918) | (15.187.426.899) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 796.180.205.767 | (142.040.983.657) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 21 | (202.290.631.138) | (222.210.840.888) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 22 | 24.558.563.798 | 1.372.062.558 |
| Tiền chi mua công cụ nợ thuần | 23 | (149.190.651.775) | (66.957.998.225) |
| Tiền thu lãi tiền gửi | 27 | 26.799.459.217 | 15.387.657.871 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (300.123.259.898) | (272.409.118.684) |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | 2019 VND | 2018 VND Đã điều chỉnh lại |
|--|-----------|--------------------------|-------------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được | 33 | 4.658.027.644.999 | 4.728.392.912.277 |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (5.191.981.017.616) | (4.133.547.632.811) |
| Tiền trả cổ tức | 36 | (129.245.275.800) | (161.371.354.225) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (663.198.648.417) | 433.473.925.241 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | (167.141.702.548) | 19.023.822.900 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | 583.654.569.745 | 564.861.713.102 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 485.658.886 | (230.966.257) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5) | 70 | 416.998.526.083 | 583.654.569.745 |

Ngày 3 tháng 4 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty mẹ của Tổng công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”), nắm giữ 79,07% vốn cổ phần.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động được cấp phép của Tổng công ty và các công ty con là:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản; và
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng công ty:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng công ty có 2 công ty con cấp 1 và 1 công ty con cấp 2 (1/1/2019: 2 công ty con cấp 1 và 1 công ty con cấp 2) như sau:

| | | | 31/12/2019 và 1/1/2019 % sở hữu và % quyền biểu quyết |
|---|--|---------------------|---|
| | Hoạt động chính | Địa chỉ | |
| Công ty con cấp 1 | | | |
| Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex | Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất | Hà Nội | 100% |
| Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex | Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng nhựa đường | Hà Nội | 100% |
| Công ty con cấp 2 | | | |
| Công ty TNHH MTV Nhựa đường Petrolimex Lào (*) | Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng nhựa đường | Viêng- chăn, Lào | 100% |

(*) Đây là công ty con của Công ty TNHH Nhựa Đường. Công ty được thành lập trong năm 2017.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng công ty có 1 công ty liên kết (1/1/2019: 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 15.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng công ty và các công ty con có 734 nhân viên (1/1/2019: 721 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tổng công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tổng công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không được dùng để chia cổ tức.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp. Dự phòng của hàng tồn kho được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, trong trường hợp giá gốc nhỏ hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) **Tài sản cố định hữu hình**

(i) **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|--|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 50 năm |
| ▪ máy móc, thiết bị | 3 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn | 6 – 17 năm |
| ▪ dụng cụ văn phòng | 3 – 8 năm |

(h) **Tài sản cố định vô hình**

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 - 10 năm.

(i) **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(j) **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đầu tư sàn văn phòng

Chi phí đầu tư sàn văn phòng là chi phí trả trước cho việc mua văn phòng tại Tầng 18 và Tầng 19 Tòa nhà Mipex, Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Hà Nội và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian còn lại từ thời điểm mua đến hết thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở từ 43 đến 46 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(iv) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(v) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác chủ yếu bao gồm chi phí vận tải trả trước và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty và Ban Giám đốc các công ty con về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu trừ đi ảnh hưởng thuế. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(o) Vốn khác và các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Khi quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, phần được sử dụng được kết chuyển tăng vốn khác của Tổng Công ty.

(p) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tổng công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tổng công ty không trình bày báo cáo bộ phận chia theo khu vực địa lý do Tổng công ty và các công ty con chủ yếu thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Tập đoàn”) và các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn.

4. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được cấu trúc theo mô hình công ty mẹ - công ty con và mỗi công ty thực hiện kinh doanh trên từng ngành hàng riêng biệt như sau:

- Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP: Nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh ngành hàng dầu mỡ nhờn;
- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex và Công ty TNHH MTV Nhựa đường Petrolimex Lào: Nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh ngành hàng nhựa đường; và
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex: Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất có nguồn gốc từ dầu mỏ.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

| | Dầu mỡ nhờn VND | Nhựa đường VND | Hóa chất VND | Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND | Tổng cộng VND |
|---------------------------------------|----------------------------|---------------------------|--------------------------|---|--------------------------|
| Doanh thu bán hàng ra bên ngoài | 1.469.011.205.459 | 2.251.995.752.506 | 2.439.038.826.786 | - | 6.160.045.784.751 |
| Doanh thu giữa các bộ phận | 7.356.291.302 | 457.150.072 | 11.110.000 | (7.824.551.374) | - |
| Tổng doanh thu của bộ phận | 1.476.367.496.761 | 2.252.452.902.578 | 2.439.049.936.786 | (7.824.551.374) | 6.160.045.784.751 |
| Giá vốn hàng bán | 1.039.912.980.353 | 2.020.024.556.484 | 2.267.372.368.290 | (7.824.551.374) | 5.319.485.353.753 |
| Chi phí bán hàng | 200.666.944.845 | 175.839.214.119 | 92.160.765.567 | - | 468.666.924.531 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 65.649.006.671 | 22.670.681.401 | 16.973.463.975 | - | 105.293.152.047 |
| Kết quả kinh doanh của bộ phận | 170.138.564.892 | 33.918.450.574 | 62.543.338.954 | - | 266.600.354.420 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 25.737.390.960 | 26.964.438.033 | 12.623.580.702 | (21.216.533.258) | 44.108.876.437 |
| Chi phí tài chính | 23.596.573.877 | 57.928.764.533 | 67.715.619.534 | (12.001.121.931) | 137.239.836.013 |
| Phần lỗ trong công ty liên kết | - | - | - | (12.001.121.931) | (12.001.121.931) |
| Thu nhập khác | 24.414.348.362 | 2.646.058.169 | 520.330.989 | - | 27.580.737.520 |
| Chi phí khác | 3.638.079.128 | 36.210.774 | 13.565.546 | - | 3.687.855.448 |
| Kết quả từ các hoạt động khác | 22.917.086.317 | (28.354.479.105) | (54.585.273.389) | (21.216.533.258) | (81.239.199.435) |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 193.055.651.209 | 5.563.971.469 | 7.958.065.565 | (21.216.533.258) | 185.361.154.985 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 35.699.101.364 | 1.798.790.263 | 1.286.493.533 | - | 38.784.385.160 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | - | 1.412.607.873 | - | - | 1.412.607.873 |
| Lợi nhuận thuần sau thuế | 157.356.549.845 | 2.352.573.333 | 6.671.572.032 | (21.216.533.258) | 145.164.161.952 |

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

| | Dầu mỡ nhờn VND | | Nhựa đường VND | | Hóa chất VND | | Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND | | Tổng cộng VND | |
|---------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|-------------------|--------------------------|----------------------|--|-------------------|-------------------|-------------------|
| | Đã điều chỉnh lại | Đã điều chỉnh lại | Đã điều chỉnh lại | Đã điều chỉnh lại | Đã điều chỉnh lại | Đã điều chỉnh lại | Đã điều chỉnh lại | Đã điều chỉnh lại | Đã điều chỉnh lại | Đã điều chỉnh lại |
| Doanh thu bán hàng ra bên ngoài | 1.444.256.664.555 | 2.148.444.787.833 | 2.841.672.857.319 | - | 6.434.374.309.707 | - | - | - | - | - |
| Doanh thu giữa các bộ phận | 7.930.962.872 | - | - | - | (7.930.962.872) | - | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu của bộ phận | 1.452.187.627.427 | 2.148.444.787.833 | 2.841.672.857.319 | - | 6.434.374.309.707 | - | - | - | - | - |
| Giá vốn hàng bán | 995.192.460.158 | 1.896.216.632.690 | 2.676.194.135.152 | - | 5.559.672.265.128 | - | - | - | - | - |
| Chi phí bán hàng | 216.240.488.931 | 193.225.212.807 | 82.246.515.903 | - | 491.712.217.641 | - | - | - | - | - |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 54.075.609.578 | 21.731.575.383 | 20.041.778.683 | - | 95.848.963.644 | - | - | - | - | - |
| Kết quả kinh doanh của bộ phận | 186.679.068.760 | 37.271.366.953 | 63.190.427.581 | - | 287.140.863.294 | - | - | - | - | - |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 17.285.940.218 | 19.593.083.810 | 10.186.534.349 | - | 31.551.861.295 | (15.513.697.082) | - | - | - | - |
| Chi phí tài chính | 32.686.754.613 | 40.373.779.228 | 58.422.532.509 | - | 111.784.576.650 | (19.698.489.700) | - | - | - | - |
| Phần lỗ trong công ty liên kết | (19.698.489.700) | - | - | - | (19.698.489.700) | - | - | - | - | - |
| Thu nhập khác | 2.834.331.096 | 5.543.050.094 | 1.172.667.973 | - | 9.550.049.163 | - | - | - | - | - |
| Chi phí khác | 1.803.286.993 | 12.080 | 3.434.479 | - | 1.806.733.552 | - | - | - | - | - |
| Kết quả từ các hoạt động khác | (34.068.259.992) | (15.237.657.404) | (47.066.764.666) | - | (92.187.889.444) | 4.184.792.618 | - | - | - | - |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 152.610.808.768 | 22.033.709.549 | 16.123.662.915 | - | 194.952.973.850 | 4.184.792.618 | - | - | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 31.488.072.978 | 9.799.321.026 | 5.056.383.975 | - | 46.343.777.979 | - | - | - | - | - |
| Lợi nhuận thuần sau thuế | 121.122.735.790 | 12.234.388.523 | 11.067.278.940 | - | 148.609.195.871 | 4.184.792.618 | - | - | - | - |

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

| | Dầu mỡ nhờn VND | Nhựa đường VND | Hóa chất VND | Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND | Tổng cộng VND |
|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--|--------------------------|
| Tài sản | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 30.622.933.390 | 361.532.425.107 | 24.843.167.586 | - | 416.998.526.083 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | - | 260.000.000.000 | - | - | 260.000.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 123.480.765.977 | 764.994.867.163 | 683.279.254.464 | (3.120.495.667) | 1.568.634.391.937 |
| Hàng tồn kho | 364.462.278.838 | 198.360.044.356 | 427.068.639.231 | - | 989.890.962.425 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 1.034.603.293 | 36.643.347.740 | 35.222.554.527 | - | 72.900.505.560 |
| Các khoản phải thu dài hạn | - | 3.825.000.000 | 846.357.437 | - | 4.671.357.437 |
| Tài sản cố định | 270.435.178.251 | 286.709.325.192 | 210.559.710.027 | - | 767.704.213.470 |
| Tài sản dở dang dài hạn | 51.357.231.938 | 122.547.385.913 | 13.451.585.902 | - | 187.356.203.753 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 647.233.030.158 | - | - | (615.700.000.000) | 31.533.030.158 |
| Tài sản dài hạn khác | 71.795.036.694 | 21.824.959.216 | 71.125.765.641 | - | 164.745.761.551 |
| Tổng tài sản | 1.560.421.058.539 | 2.056.437.354.687 | 1.466.397.034.815 | (618.820.495.667) | 4.464.434.952.374 |
| Nguồn vốn | | | | | |
| Nợ ngắn hạn | 251.474.069.747 | 1.620.989.603.415 | 1.154.475.230.309 | (3.120.495.667) | 3.023.818.407.804 |
| Nợ dài hạn | - | 68.955.571.845 | 49.835.686.431 | - | 118.791.258.276 |
| Vốn chủ sở hữu | 1.308.946.988.792 | 366.492.179.427 | 262.086.118.075 | (615.700.000.000) | 1.321.825.286.294 |
| Tổng nguồn vốn | 1.560.421.058.539 | 2.056.437.354.687 | 1.466.397.034.815 | (618.820.495.667) | 4.464.434.952.374 |
| Chi tiêu vốn và khấu hao cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | | | | | |
| Chi tiêu vốn | 96.967.446.260 | 85.666.762.310 | 19.656.422.568 | - | 202.290.631.138 |
| Khấu hao tài sản cố định hữu hình | 30.025.409.175 | 28.490.065.576 | 16.487.319.808 | - | 75.002.794.559 |
| Khấu hao tài sản cố định vô hình | 290.689.344 | 417.953.468 | - | - | 708.642.812 |

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2019

| | Dầu mỡ nhờn VND | Nhựa đường VND | Hóa chất VND | Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND | Tổng cộng VND |
|--|----------------------------|---------------------------|--------------------------|---|--------------------------|
| | Đã điều chỉnh lại | Đã điều chỉnh lại | Đã điều chỉnh lại | Đã điều chỉnh lại | Đã điều chỉnh lại |
| Tài sản | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 35.328.060.944 | 505.075.446.694 | 43.251.062.107 | - | 583.654.569.745 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | - | 110.809.348.225 | - | - | 110.809.348.225 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 135.748.972.061 | 726.875.906.101 | 1.017.725.748.121 | (1.288.909.807) | 1.879.061.716.476 |
| Hàng tồn kho | 365.792.457.133 | 311.218.554.916 | 462.089.132.703 | - | 1.139.100.144.752 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 1.315.992.750 | 40.380.248.178 | 42.533.837.359 | - | 84.230.078.287 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 63.476.000.000 | 3.854.175.300 | 404.019.200 | (63.476.000.000) | 4.258.194.500 |
| Tài sản cố định | 193.572.669.120 | 266.867.444.172 | 226.629.197.108 | - | 687.069.310.400 |
| Bất động sản đầu tư | 3.234.686.485 | - | - | - | 3.234.686.485 |
| Tài sản dở dang dài hạn | 74.128.020.926 | 86.729.770.636 | 764.287.150 | - | 161.622.078.712 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 553.534.152.089 | - | - | (510.000.000.000) | 43.534.152.089 |
| Tài sản dài hạn khác | 66.220.586.959 | 24.995.055.581 | 70.454.884.135 | - | 161.670.526.675 |
| Tổng tài sản | 1.492.351.598.467 | 2.076.805.949.803 | 1.863.852.167.883 | (574.764.909.807) | 4.858.244.806.346 |
| Nguồn vốn | | | | | |
| Nợ ngắn hạn | 203.241.522.807 | 1.681.636.164.624 | 1.564.952.311.507 | (1.288.909.807) | 3.448.541.089.131 |
| Nợ dài hạn | - | 45.567.761.776 | 106.262.396.866 | (63.476.000.000) | 88.354.158.642 |
| Vốn chủ sở hữu | 1.289.110.075.660 | 349.602.023.403 | 192.637.459.510 | (510.000.000.000) | 1.321.349.558.573 |
| Tổng nguồn vốn | 1.492.351.598.467 | 2.076.805.949.803 | 1.863.852.167.883 | (574.764.909.807) | 4.858.244.806.346 |
| Chi tiêu vốn và khấu hao cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 | | | | | |
| Chi tiêu vốn | 56.807.046.107 | 92.688.354.191 | 72.715.440.590 | - | 222.210.840.888 |
| Khấu hao tài sản cố định hữu hình | 23.187.962.634 | 24.594.310.344 | 13.412.441.460 | - | 61.194.714.438 |
| Khấu hao tài sản cố định vô hình | 262.524.339 | 315.190.611 | - | - | 577.714.950 |

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2019 | 1/1/2019 |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 4.290.288.149 | 4.368.026.806 |
| Tiền gửi ngân hàng | 212.708.237.934 | 234.226.535.840 |
| Tiền đang chuyển | - | 60.007.099 |
| Các khoản tương đương tiền | 200.000.000.000 | 345.000.000.000 |
| | 416.998.526.083 | 583.654.569.745 |

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm 4.000 triệu VND (1/1/2019: 4.000 triệu VND) bị hạn chế sử dụng để phục vụ việc thi hành án trong một vụ kiện mà Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex, một công ty con, là nguyên đơn.

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các tổ chức tài chính, hưởng lãi suất từ 6% đến 7,5% một năm (1/1/2019: 5% - 6%).

Giá trị hợp lý của đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và khách hàng là công ty liên quan:

| | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại |
|--|---------------------------------|---|
| <i>Các công ty liên quan</i> | | |
| ▪ Các công ty thuộc Petrolimex | 40.408.901.531 | 40.450.119.028 |
| <i>Các bên khác</i> | | |
| ▪ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hà Anh Phát | 152.661.422.691 | 84.549.456.035 |
| ▪ Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Gia Anh | 119.802.577.290 | 185.399.448.460 |
| ▪ Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Việt Quang Phát | 94.613.776.620 | 104.773.607.558 |
| ▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng giao thông Phương Thành | 50.059.371.586 | 95.919.706.812 |
| ▪ Công ty TNHH Hóa chất Việt Linh | - | 208.339.676.088 |
| ▪ Các khách hàng khác | 1.214.419.927.429 | 1.242.356.364.165 |
| | 1.671.965.977.147 | 1.961.788.378.146 |

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn thu hồi là 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm

| | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND |
|---|---------------------------------|-------------------------------|
| Phải thu khác từ các công ty thuộc Petrolimex | 723.597.078 | 807.597.093 |
| Tạm ứng cho nhân viên phục vụ công tác | 10.836.599.067 | 12.499.840.830 |
| Lãi tiền gửi dự thu | 2.982.506.849 | 4.496.780.575 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 5.749.351.068 | 6.963.765.340 |
| | 20.292.054.062 | 24.767.983.838 |

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm

| | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND |
|---|-------------------|-----------------|
| Đặt cọc cho dự án Kho Nhựa Đường | 3.825.000.000 | 3.854.175.300 |
| Đặt cọc cho sử dụng dịch vụ khu công nghiệp | 846.357.437 | 404.019.200 |
| | 4.671.357.437 | 4.258.194.500 |

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

| 31/12/2019 | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị có thể thu hồi VND |
|-----------------------------|-----------------|-------------------|----------------------------------|
| Nợ quá hạn | | | |
| ▪ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm | 108.388.925.512 | (1.396.547.407) | 106.992.378.105 |
| ▪ Từ 1 năm đến dưới 2 năm | 76.382.473.084 | (13.542.160.310) | 62.840.312.774 |
| ▪ Từ 2 năm đến dưới 3 năm | 17.968.902.279 | (7.298.210.455) | 10.670.691.824 |
| ▪ Từ 3 năm trở lên (*) | 160.934.352.816 | (152.721.662.817) | 8.212.689.999 |
| | 363.674.653.691 | (174.958.580.989) | 188.716.072.702 |

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn (174.958.580.989)

| 1/1/2019 | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị có thể thu hồi VND |
|-----------------------------|-----------------|-------------------|----------------------------------|
| Nợ quá hạn | | | |
| ▪ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm | 122.487.509.186 | (3.034.186.864) | 119.453.322.322 |
| ▪ Từ 1 năm đến dưới 2 năm | 25.866.878.835 | (7.428.326.850) | 18.438.551.985 |
| ▪ Từ 2 năm đến dưới 3 năm | 2.223.187.943 | (1.216.468.303) | 1.006.719.640 |
| ▪ Từ 3 năm trở lên (*) | 171.304.972.463 | (162.433.287.912) | 8.871.684.551 |
| | 321.882.548.427 | (174.112.269.929) | 147.770.278.498 |

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn (174.112.269.929)

(*) Phải thu có thời gian quá hạn trên 3 năm bao gồm 7.452.556.100 VND là khoản phải thu của Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex (“Nhựa đường Petrolimex”), một công ty con của Tổng công ty, từ Công ty Cổ phần 116 - Cienco 1, nay là Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 116 (“Giao thông 116”). Theo Bản án sơ thẩm số 12/2019/DS-KDTM ngày 27 tháng 9 năm 2019, Tòa án Nhân dân Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nhựa đường

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Petrolimex, buộc Giao thông 116 phải thanh toán khoản tiền này cho Nhựa đường Petrolimex. Bản án cũng nêu rõ, trường hợp Giao thông 116 không trả được thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài (“BIDV Phú Tài”) phải có nghĩa vụ thanh toán cho Nhựa đường Petrolimex với tư cách là bên đứng ra bảo lãnh thực hiện hợp đồng kinh tế giữa Nhựa đường Petrolimex với Giao thông 116. Sau khi nhận được bản án sơ thẩm này, BIDV Phú Tài đã nộp đơn kháng cáo lên Tòa phúc thẩm để xem xét lại quyết định trên. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, phiên xử phúc thẩm theo kháng cáo của BIDV Phú Tài chưa được diễn ra. Ban lãnh đạo Nhựa đường Petrolimex đánh giá kết quả theo Bản án sơ thẩm số 12/2019/DS-KDTM ngày 27 tháng 9 năm 2019 sẽ không thay đổi.

10. Hàng tồn kho

| | 31/12/2019 | | 1/1/2019 | |
|--|------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND Đã điều chỉnh lại | Dự phòng VND |
| Hàng mua đang đi trên đường | 129.797.440.156 | - | 133.781.571.545 | - |
| Nguyên vật liệu | 228.208.252.279 | - | 205.886.591.976 | - |
| Công cụ và dụng cụ | 15.182.830.108 | - | 11.587.725.689 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang | 29.765.402.341 | - | 27.921.338.499 | - |
| Thành phẩm | 159.528.817.161 | - | 192.143.410.296 | - |
| Hàng hóa | 427.408.220.380 | - | 567.779.506.747 | - |
| | 989.890.962.425 | - | 1.139.100.144.752 | - |

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND | Dụng cụ văn phòng VND | Tổng cộng VND |
|--|----------------------------------|-----------------------------|--|-----------------------------|-------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại | 679.728.290.939 | 386.327.721.261 | 191.038.122.947 | 26.822.728.460 | 1.283.916.863.607 |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 – theo báo cáo trước đây | 672.916.400.407 | 384.113.255.358 | 191.038.122.947 | 26.822.728.460 | 1.274.890.507.172 |
| Điều chỉnh theo báo cáo của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 40) | 6.811.890.532 | 2.214.465.903 | - | - | 9.026.356.435 |
| Tăng trong năm | 4.891.102.426 | 23.331.647.737 | 2.231.761.861 | 3.605.526.464 | 34.060.038.488 |
| Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 59.547.729.035 | 53.290.249.184 | 7.933.283.302 | - | 120.771.261.521 |
| Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn | 841.969.236 | - | - | - | 841.969.236 |
| Thanh lý | (851.958.862) | (1.190.893.684) | (616.892.133) | (814.358.173) | (3.474.102.852) |
| Số dư cuối năm | 744.157.132.774 | 461.758.724.498 | 200.586.275.977 | 29.613.896.751 | 1.436.116.030.000 |

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | | | | | | |
|--|-----------------|-----------------|-----------------|----------------|-----------------|--|
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại | 250.993.012.358 | 209.189.793.366 | 120.562.347.025 | 20.577.717.131 | 601.322.869.880 | |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 | 251.439.310.944 | 208.878.581.216 | 120.562.347.025 | 20.577.717.131 | 601.457.956.316 | |
| – theo báo cáo trước đây | (446.298.586) | 311.212.150 | - | - | (135.086.436) | |
| Điều chỉnh theo báo cáo của | | | | | | |
| Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 40) | 32.731.153.588 | 27.346.773.272 | 12.226.182.207 | 2.698.685.492 | 75.002.794.559 | |
| Khấu hao trong năm | 226.808.804 | - | - | - | 226.808.804 | |
| Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn | (851.958.862) | (1.190.893.684) | (616.892.133) | (814.358.173) | (3.474.102.852) | |
| Thanh lý | | | | | | |
| Số dư cuối năm | 283.099.015.888 | 235.345.672.954 | 132.171.637.099 | 22.462.044.450 | 673.078.370.391 | |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số dư đầu năm – đã điều chỉnh lại | 428.735.278.581 | 177.137.927.895 | 70.475.775.922 | 6.245.011.329 | 682.593.993.727 | |
| Số dư cuối năm | 461.058.116.886 | 226.413.051.544 | 68.414.638.878 | 7.151.852.301 | 763.037.659.609 | |

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản với nguyên giá 254.970 triệu VND (1/1/2019: 241.191 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá trị ghi sổ của tài sản cố định là 34.022 triệu VND (1/1/2019: không có) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của các công ty con (Thuyết minh 21(b)).

12. Tài sản cố định vô hình

| | Phần mềm máy vi tính VND |
|-------------------------------|---|
| Nguyên giá | |
| Số dư đầu năm | 10.371.535.312 |
| Tăng trong năm | 899.880.000 |
| | <hr/> |
| Số dư cuối năm | 11.271.415.312 |
| | <hr/> |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Số dư đầu năm | 5.896.218.639 |
| Khấu hao trong năm | 708.642.812 |
| | <hr/> |
| Số dư cuối năm | 6.604.861.451 |
| | <hr/> |
| Giá trị còn lại | |
| Số dư đầu năm | 4.475.316.673 |
| Số dư cuối năm | 4.666.553.861 |
| | <hr/> |

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có tài sản với nguyên giá 3.814 triệu VND (1/1/2019: 3.814 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

13. Bất động sản đầu tư

Trong năm 2019, Tổng công ty đã tổ chức đấu giá, thanh lý thành công quyền sử dụng thửa đất Số 52, 53, Khu E1, tại Đường 2 tháng 9, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019****(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Xây dựng cơ bản dở dang**

| | 2019 VND | 2018 VND Đã điều chỉnh lại |
|---|---------------------------|---|
| Số dư đầu năm | 161.622.078.712 | 152.870.182.358 |
| Tăng trong năm – đã điều chỉnh lại | 146.585.925.664 | 187.621.724.020 |
| <i>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</i> | | |
| <i>– theo báo cáo trước đây</i> | - | 188.641.394.031 |
| <i>Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 40)</i> | - | (1.019.670.011) |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (120.771.261.521) | (179.659.529.483) |
| Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn | (77.539.102) | (497.324.830) |
| Phân loại lại từ chi phí trả trước dài hạn | - | 1.287.026.647 |
| Giảm khác | (3.000.000) | - |
| Số dư cuối năm | 187.356.203.753 | 161.622.078.712 |

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

| | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại |
|---|---------------------------------|---|
| Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP | | |
| Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Nhà Bè | 23.191.357.171 | 19.487.082.963 |
| Dự án xây dựng Nhà máy dầu nhờn Đình Vũ | 194.826.446 | 28.998.059.137 |
| Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Thượng Lý | 18.075.697.277 | 8.087.296.789 |
| Các dự án khác | 9.895.351.044 | 17.555.582.037 |
| | 51.357.231.938 | 74.128.020.926 |
| Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex | | |
| Dự án xây dựng Kho Cam Ranh | 105.023.650.860 | 60.498.582.070 |
| Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Thượng Lý | 2.165.279.042 | 1.381.999.396 |
| Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Cửa Lò | 4.260.430.520 | 10.242.466.258 |
| Các dự án khác | 11.098.025.491 | 14.606.722.912 |
| | 122.547.385.913 | 86.729.770.636 |
| Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex | | |
| Công trình kho hóa chất dung môi Đình Vũ | 12.687.298.752 | - |
| Các dự án khác | 764.287.150 | 764.287.150 |
| | 13.451.585.902 | 764.287.150 |
| | 187.356.203.753 | 161.622.078.712 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 4.775 triệu VND (1/1/2019: 6.388 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá trị ghi sổ của chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 117.711 triệu VND (1/1/2019: 60.499 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của các công ty con (Thuyết minh 21(b)).

15. Đầu tư tài chính dài hạn

| Địa chỉ | 31/12/2019 | | 1/1/2019 | | | | |
|--------------------------------------|----------------------|---------------------------------|----------------------|---------------------------------|-----------|--------|----------------|
| | Số lượng cổ phiếu | % sở hữu và quyền biểu quyết | Số lượng cổ phiếu | % sở hữu và quyền biểu quyết | | | |
| Công ty liên kết | | | | | | | |
| ▪ Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP | Hải Phòng | 6.600.000 | 43,78% | 31.533.030.158 | 6.600.000 | 43,78% | 43.534.152.089 |

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì trong kỳ số lượng giao dịch các cổ phiếu tương ứng của đơn vị này ít và do đó giá cổ phiếu không phản ánh đúng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

| | 2019 VND | 2018 VND |
|--------------------------------|------------------|------------------|
| Số dư đầu năm | 43.534.152.089 | 63.232.641.789 |
| Phân lỗ trong công ty liên kết | (12.001.121.931) | (19.698.489.700) |
| Số dư cuối năm | 31.533.030.158 | 43.534.152.089 |

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí trả trước dài hạn

| | Chi phí đầu tư sản văn phòng VND | Chi phí đất trả trước (*) VND | Công cụ và dụng cụ VND | Chi phí sửa chữa lớn VND | Chi phí khác VND | Tổng cộng VND |
|--|--|-------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|---------------------|------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 – đã điều chỉnh lại | 62.305.317.585 | 65.918.555.585 | 9.263.021.482 | 9.039.639.956 | 15.143.992.067 | 161.670.526.675 |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 – đã báo cáo trước đây | 62.305.317.585 | 65.918.555.585 | 9.263.021.482 | 14.310.624.087 | 15.143.992.067 | 166.941.510.806 |
| Điều chỉnh theo báo cáo của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 40) | - | - | - | (5.270.984.131) | - | (5.270.984.131) |
| Tăng trong năm | - | - | 8.404.115.473 | 17.127.257.921 | 4.924.156.900 | 30.455.530.294 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | - | - | - | - | 77.539.102 | 77.539.102 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | - | - | - | (615.160.432) | - | (615.160.432) |
| Phân bổ trong năm | (1.737.029.554) | (564.003.591) | (5.507.772.624) | (12.553.171.280) | (6.480.697.039) | (26.842.674.088) |
| Số dư cuối năm | 60.568.288.031 | 65.354.551.994 | 12.159.364.331 | 12.998.566.165 | 13.664.991.030 | 164.745.761.551 |

(*)

Trong chi phí đất trả trước có giá trị quyền sử dụng đất tại Lô đất CN5.2L tại Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 là 49.562 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex, một công ty con của Tổng công ty (Thuyết minh 21(b)).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là công ty liên quan:

| | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại |
|---|-------------------|--------------------------------------|
| Các công ty liên quan | | |
| ▪ Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore | 985.524.163.548 | 579.067.321.464 |
| ▪ Các công ty thuộc Petrolimex | 15.721.899.712 | 13.559.476.414 |
| ▪ Công ty TNHH Castrol BP Petco | 1.681.816.007 | 2.590.816.679 |
| | 1.002.927.879.267 | 595.217.614.557 |
| Các bên khác | | |
| ▪ Petronas Chemical Marketing | 56.188.792.718 | 38.939.965.688 |
| ▪ Công ty TNHH DV&TM Hà Anh Phát | 46.055.889.427 | 625.889.427 |
| ▪ Shell Eastern Trading Pte., Ltd. | 43.211.518.921 | 64.213.880.143 |
| ▪ Fortrec Chemicals and Petroleum Pte., Ltd. | 33.390.919.088 | - |
| ▪ ELF Lubrifiants | 13.867.147.306 | - |
| ▪ Integra Petrochemicals Pte., Ltd. | - | 99.402.320.130 |
| ▪ Grand Resources Group Co., Ltd. | - | 66.359.290.251 |
| ▪ Interchem Pte., Ltd. | - | 53.556.934.106 |
| ▪ Wuxi Baichuan Chemical Industrial Co., Ltd. | - | 44.631.665.691 |
| ▪ Hin Hin Trading Pte., Ltd. | - | 27.155.404.769 |
| ▪ Zibo Qixiang Tengda Chemical Co., | - | 19.670.329.972 |
| ▪ Total Lubrifiants | - | 13.028.711.451 |
| ▪ Lubrizol Southeast Asia Ltd. | - | 6.446.333.786 |
| ▪ Các nhà cung cấp khác | 108.065.524.816 | 109.764.102.474 |
| | 300.779.792.276 | 543.794.827.888 |
| | 1.303.707.671.543 | 1.139.012.442.445 |

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 - 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

| | 1/1/2019 | | Số phát sinh trong năm | | Số đã khấu trừ trong năm VND | 31/12/2019 | |
|-------------------------------|----------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| | Phải thu VND | Phải nộp VND | Số phải nộp VND | Số đã nộp VND | | Phải thu VND | Phải nộp VND |
| | | Đã điều chỉnh lại | | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | - | 23.507.335.207 | 1.397.674.635.611 | (688.130.929.786) | (722.496.745.238) | - | 10.554.295.794 |
| Thuế nhập khẩu | 1.395 | - | 20.836.910.125 | (20.836.908.730) | - | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.056.843.365 | 14.660.457.935 | 38.784.385.160 | (50.035.793.266) | - | 6.444.563.274 | 8.796.769.738 |
| Thuế bảo vệ môi trường | - | 1.393.144.596 | 60.972.273.480 | (58.042.792.744) | - | - | 4.322.625.332 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 18.352.162 | 744.113.767 | 7.630.120.769 | (6.437.084.962) | - | 55.984.016 | 1.974.781.428 |
| Thuế khác | 164.845.000 | 71.994.405 | 1.874.767.077 | (1.944.997.734) | - | 164.846.394 | 1.765.142 |
| | 1.240.041.922 | 40.377.045.910 | 1.527.773.092.222 | (825.428.507.222) | (722.496.745.238) | 6.665.393.684 | 25.650.237.434 |

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại |
|---|-------------------|--------------------------------------|
| Chi phí hỗ trợ bán dầu mỡ nhờn | 9.117.538.802 | 557.973.257 |
| Chi phí phải trả về xây dựng cơ bản dở dang | 4.260.000.000 | 17.748.749.357 |
| Lãi vay phải trả | - | 809.205.356 |
| | 13.377.538.802 | 19.115.927.970 |

20. Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND |
|-------------------------------------|-------------------|-----------------|
| Phải trả cổ tức | 1.589.822.300 | 1.558.992.500 |
| Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội | 3.280.780.703 | 3.627.395.659 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| Các khoản phải trả khác | 2.798.492.962 | 2.266.105.710 |
| | 22.669.095.965 | 22.452.493.869 |

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay

(a) Vay ngắn hạn

| | Biến động trong năm | | 31/12/2019 | |
|---|---------------------|---------------------|---|---|
| | Tăng VND | Giảm VND | Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại VND | Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND |
| 1/1/2019 | | | | |
| Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND | | | | |
| 2.154.826.503.746 | 4.601.931.457.308 | (5.182.640.955.660) | (245.993.818) | 1.573.871.011.576 |
| 4.983.570.145 | 35.691.896.913 | (9.340.061.956) | - | 31.335.405.102 |
| Vay ngắn hạn | | | | |
| Vay dài hạn đến hạn trả (b) | | | | |
| | 4.637.623.354.221 | (5.191.981.017.616) | (245.993.818) | 1.605.206.416.678 |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất năm % | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND |
|--|-----------|-------------------|--------------------------|--------------------------|
| Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | VND | 3,6 - 5,8 | 462.892.874.283 | 779.838.077.478 |
| Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | VND | 5,2 - 5,9 | 37.886.634.703 | 23.887.070.815 |
| Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội | VND | 5,2 - 6,6 | 5.198.628.469 | 66.893.963.334 |
| Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (*) | VND | 5,6 | 191.151.467.051 | 256.814.970.079 |
| Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam | VND | 6,2 | 20.165.674.632 | - |
| Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | VND | 5,7 - 6,0 | 440.908.690.508 | 644.861.362.674 |
| Khoản vay Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam | VND | 5,2 | - | 19.098.225.784 |
| Khoản vay Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam | USD | 2,8 | 32.691.986.687 | - |
| Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam | VND | 4,5 - 6,5 | 1.994.400.717 | - |
| Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam | USD | 3,3 - 4,5 | 230.581.786.373 | 152.038.062.957 |
| Khoản vay Ngân hàng BNP Paribas (**) | VND | 5,8 | 122.208.104.761 | 149.414.020.133 |
| Khoản vay Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Xăng Dầu Petrolimex - PGB | VND | 5,8 - 8,5 | 28.190.763.392 | 61.980.750.492 |
| | | | 1.573.871.011.576 | 2.154.826.503.746 |

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, được đảm bảo bằng toàn bộ cơ sở hạ tầng, tài sản gắn liền với đất và máy móc, thiết bị của Kho dung môi – Hóa chất Petrolimex Đình Vũ (Thuyết minh 14) và quyền sử dụng đất tại Lô đất CN5.2L tại Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng (Thuyết minh 16).

Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản trên đất của Kho Nhựa đường Cam Ranh (Thuyết minh 14).

Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Công Thương Việt Nam được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình bao gồm 3 dây chuyền sản xuất nhựa tương Cam Ranh và MC, 2 lò gia nhiệt và 12 xe tưới nhựa tương (Thuyết minh 11).

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tổng công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

| | 2019 VND | 2018 VND |
|---------------------|------------------|------------------|
| Số dư đầu năm | 3.650.114.962 | 8.518.987.299 |
| Trích lập trong năm | 15.964.493.772 | 10.318.554.562 |
| Sử dụng trong năm | (13.143.777.918) | (15.187.426.899) |
| Số dư cuối năm | 6.470.830.816 | 3.650.114.962 |

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Vốn khác của chủ sở hữu VND | Cổ phiếu quỹ VND | Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Tổng cộng VND |
|---|--------------------|--------------------------------|-----------------------------------|---------------------|--------------------------------------|---------------------------------|---|------------------------------------|-------------------|
| Số dư ngày 1/1/2018 | 807.988.390.000 | 3.561.050.000 | 466.200.000 | (12.730.000) | (31.616.582) | 338.290.620.318 | 20.463.604.691 | 173.972.281.235 | 1.344.697.799.662 |
| - đã điều chỉnh lại | | | | | | | | | |
| Số dư ngày 1/1/2018 | 807.988.390.000 | 3.561.050.000 | 466.200.000 | (12.730.000) | (31.616.582) | 338.290.620.318 | 20.463.604.691 | 172.969.155.619 | 1.343.694.674.046 |
| - đã báo cáo trước đây | | | | | | | | | |
| Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 40) | - | - | - | - | - | - | - | 1.003.125.616 | 1.003.125.616 |
| Lợi nhuận thuần trong năm - đã điều chỉnh lại | - | - | - | - | - | - | - | 148.609.195.871 | 148.609.195.871 |
| Lợi nhuận thuần trong năm - đã báo cáo trước đây | - | - | - | - | - | - | - | 152.990.212.825 | 152.990.212.825 |
| Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 40) | - | - | - | - | - | - | - | (4.381.016.954) | (4.381.016.954) |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | - | - | - | (10.318.554.562) | (10.318.554.562) |
| Chia cổ tức (Thuyết minh 25) | - | - | - | - | - | - | - | (161.595.132.000) | (161.595.132.000) |
| Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ | - | - | - | - | (43.762.401) | - | - | - | (43.762.401) |
| Biến động khác | - | - | - | - | - | - | - | 12.003 | 12.003 |
| Số dư ngày 1/1/2019 | 807.988.390.000 | 3.561.050.000 | 466.200.000 | (12.730.000) | (75.378.983) | 338.290.620.318 | 20.463.604.691 | 150.667.802.547 | 1.321.349.558.573 |
| - đã điều chỉnh lại | | | | | | | | | |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | - | - | - | 145.164.161.952 | 145.164.161.952 |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | - | - | - | (15.964.493.772) | (15.964.493.772) |
| Phân bổ vào các quỹ | - | - | - | - | - | 6.910.496.093 | - | (6.910.496.093) | - |
| Chia cổ tức (Thuyết minh 25) | - | - | - | - | - | - | - | (129.276.105.600) | (129.276.105.600) |
| Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ | - | - | - | - | 562.138.586 | - | - | - | 562.138.586 |
| Biến động khác | - | - | - | - | - | - | 610.068.449 | (620.041.894) | (9.973.445) |
| Số dư ngày 31/12/2019 | 807.988.390.000 | 3.561.050.000 | 466.200.000 | (12.730.000) | 486.759.603 | 345.201.116.411 | 21.073.673.140 | 143.060.827.140 | 1.321.825.286.294 |

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

| | 31/12/2019 | | 1/1/2019 | |
|----------------------------------|-------------|-----------------|-------------|-----------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt | 80.798.839 | 807.988.390.000 | 80.798.839 | 807.988.390.000 |
| Vốn cổ phần đã phát hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 80.798.839 | 807.988.390.000 | 80.798.839 | 807.988.390.000 |
| Cổ phiếu quỹ | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 1.273 | 12.730.000 | 1.273 | 12.730.000 |
| Số cổ phiếu đang lưu hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 80.797.566 | 807.975.660.000 | 80.797.566 | 807.975.660.000 |

Vốn cổ phần của Tổng công ty, chi tiết theo các cổ đông như sau:

| | 31/12/2019 | | 1/1/2019 | |
|----------------------------|-----------------|--------|-----------------|--------|
| | VND | % | VND | % |
| Cổ đông | | | | |
| Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam | 638.892.590.000 | 79,07% | 638.892.590.000 | 79,07% |
| Các cổ đông khác | 169.095.800.000 | 20,93% | 169.095.800.000 | 20,93% |
| | 807.988.390.000 | 100% | 807.988.390.000 | 100% |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

25. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 22 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty đã quyết định chia cổ tức 129.276 triệu VND (tương đương 1.600 VND trên một cổ phiếu) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 (2018: 161.595 triệu VND, tương đương 2.000 VND trên một cổ phiếu).

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

| | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND |
|---------------------------------|-------------------|-----------------|
| Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba | 54.760.112.188 | 117.863.399.271 |

(b) Ngoại tệ các loại

| | 31/12/2019 | | 1/1/2019 | |
|-----------------------|---------------|-----------------------|---------------|-----------------------|
| | Nguyên tệ | Tương đương VND | Nguyên tệ | Tương đương VND |
| Đô la Mỹ ("USD") | 1.000.932 | 23.092.482.039 | 1.326.702 | 30.724.194.679 |
| Euro ("EUR") | 519 | 13.990.376 | 234 | 6.655.678 |
| Lao Kips ("LAK") | 5.947.685.263 | 15.463.981.684 | 2.483.619.082 | 6.770.211.944 |
| Cambodia Riel ("KHR") | 2.650 | 15.079 | - | - |
| | | <u>38.570.469.178</u> | | <u>37.501.062.301</u> |

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

| | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND |
|--|-------------------|-----------------|
| Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng | 133.198.000.000 | 164.916.000.000 |

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019****(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế bảo vệ môi trường. Doanh thu thuần của Tổng công ty và các công ty con bao gồm:

| | 2019 VND | 2018 VND Đã điều chỉnh lại |
|-------------------------------------|-------------------------|---|
| Bán dầu mỡ nhờn | 1.433.908.599.433 | 1.404.802.935.430 |
| Bán nhựa đường | 2.247.835.136.649 | 2.148.816.521.706 |
| Bán hóa chất, dung môi | 2.439.049.936.786 | 2.841.633.770.319 |
| Bán hàng hóa khác | 39.252.111.883 | 41.467.834.399 |
| | <hr/> 6.160.045.784.751 | <hr/> 6.436.721.061.854 |
| Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| Chiết khấu thương mại | - | (2.346.752.147) |
| | <hr/> 6.160.045.784.751 | <hr/> 6.434.374.309.707 |

29. Giá vốn hàng bán

| | 2019 VND | 2018 VND Đã điều chỉnh lại |
|----------------------------|-------------------------|---|
| Giá vốn dầu mỡ nhờn | 997.926.102.080 | 948.314.083.071 |
| Giá vốn nhựa đường | 2.020.024.556.484 | 1.895.708.293.227 |
| Giá vốn hóa chất, dung môi | 2.267.372.368.290 | 2.676.155.048.152 |
| Giá vốn hàng hóa khác | 34.162.326.899 | 39.494.840.678 |
| | <hr/> 5.319.485.353.753 | <hr/> 5.559.672.265.128 |

30. Doanh thu hoạt động tài chính

| | 2019 VND | 2018 VND |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi | 25.285.185.491 | 18.325.120.187 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 10.930.047.845 | 8.636.703.608 |
| Lãi hàng bán trả chậm | 7.893.643.101 | 4.590.037.500 |
| | <hr/> 44.108.876.437 | <hr/> 31.551.861.295 |

31. Chi phí tài chính

| | 2019 VND | 2018 VND Đã điều chỉnh lại |
|------------------------|-----------------|----------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 127.080.101.022 | 86.442.840.497 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 7.468.951.020 | 23.804.140.532 |
| Chi phí tài chính khác | 2.690.783.971 | 1.537.595.621 |
| | 137.239.836.013 | 111.784.576.650 |

32. Chi phí bán hàng

| | 2019 VND | 2018 VND Đã điều chỉnh lại |
|----------------------------------|-----------------|----------------------------------|
| Chi phí nhân viên | 73.421.598.503 | 78.114.560.559 |
| Chi phí vận chuyển | 94.443.255.429 | 108.904.858.489 |
| Chi phí hỗ trợ bán hàng | 69.291.314.082 | 58.479.290.905 |
| Chi phí quảng cáo, tiếp thị | 71.954.970.249 | 85.209.527.212 |
| Chi phí sửa chữa | 6.852.472.930 | 9.816.057.397 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 42.059.846.893 | 23.084.043.428 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ, bao bì | 24.187.298.032 | 27.500.072.218 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 34.738.361.259 | 56.422.519.218 |
| Chi phí bán hàng khác | 51.717.807.154 | 44.181.288.215 |
| | 468.666.924.531 | 491.712.217.641 |

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | 2019 VND | 2018 VND Đã điều chỉnh lại |
|-----------------------------------|-----------------|----------------------------------|
| Chi phí nhân viên | 54.650.173.660 | 60.253.265.203 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 4.244.419.765 | 3.508.911.917 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 11.647.287.552 | 12.358.414.409 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 34.751.271.070 | 19.728.372.115 |
| | 105.293.152.047 | 95.848.963.644 |

34. Thu nhập khác

| | 2019 VND | 2018 VND |
|--|----------------|---------------|
| Lãi do thanh lý tài sản cố định, bất động sản đầu tư | 21.323.877.313 | 1.523.764.818 |
| Tiền phạt thu được từ các đơn vị khác | 2.306.112.341 | 5.425.084.183 |
| Các khoản khác | 3.950.747.866 | 2.601.200.162 |
| | 27.580.737.520 | 9.550.049.163 |

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

| | 2019 VND | 2018 VND Đã điều chỉnh lại |
|-----------------------------|-----------------|----------------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu | 920.725.189.527 | 974.366.490.163 |
| Chi phí nhân viên | 167.976.660.651 | 166.806.734.064 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 78.012.470.516 | 64.238.160.803 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 172.134.086.491 | 196.688.299.597 |
| Chi phí khác | 261.693.087.070 | 221.558.164.569 |

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

| | 2019 VND | 2018 VND Đã điều chỉnh lại |
|---------------------------------------|----------------|----------------------------------|
| Chi phí thuế hiện hành | | |
| Năm hiện hành | 38.784.385.160 | 46.343.777.979 |
| Chi phí thuế thu nhập hoãn lại | | |
| Chi phí thuế thu nhập hoãn lại | 1.412.607.873 | - |
| | 40.196.993.033 | 46.343.777.979 |

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | 2019 VND | 2018 VND Đã điều chỉnh lại |
|--|---------------------------|---|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 185.361.154.985 | 194.952.973.850 |
| Thuế tính theo thuế suất của Tổng công ty | 37.072.230.997 | 38.990.594.770 |
| Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho công ty con | 609.808.163 | 151.072.038 |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 1.425.707.180 | 5.388.841.380 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận | - | 1.813.269.791 |
| Lỗi tính thuế được sử dụng | (323.361.180) | - |
| Các khoản khác | 1.412.607.873 | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 40.196.993.033 | 46.343.777.979 |

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty TNHH MTV Nhựa đường Petrolimex Lào, công ty con cấp 2, có mức thuế suất 24%.

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính cho năm 2019 và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân.

| | 2019 | 2018 Đã điều chỉnh lại |
|--|------------------|---|
| Lợi nhuận thuần trong năm (VND) | 145.164.161.952 | 148.609.195.871 |
| Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*) | (15.964.493.772) | (10.318.554.562) |
| Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND) | 129.199.668.180 | 138.290.641.309 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân (cổ phiếu) | 80.797.566 | 80.797.566 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 1.599 | 1.712 |

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng công ty ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi dựa trên cơ sở số đã trích cho năm 2018.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | Giá trị giao dịch | |
|---|-------------------|-------------------|
| | 2019 VND | 2018 VND |
| Các công ty liên quan | | |
| <i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – Công ty mẹ</i> | | |
| ▪ Cổ tức | 102.222.814.400 | 127.773.270.872 |
| <i>Petrolimex Singapore Pte Ltd.</i> | | |
| ▪ Mua hàng hóa | 1.460.382.248.552 | 1.220.075.742.700 |
| <i>Các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex</i> | | |
| ▪ Bán hàng hóa | 1.248.993.383.132 | 1.139.822.449.805 |
| ▪ Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ | 85.256.056.040 | 120.558.003.239 |
| ▪ Mua sắm tài sản cố định | 16.383.784.900 | 36.470.188.750 |
| <i>Công ty TNHH Castrol BP PETCO</i> | | |
| ▪ Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ | 18.337.541.400 | 16.719.025.086 |
| <i>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex</i> | | |
| ▪ Các khoản vay | 299.343.444.717 | 131.750.717.503 |
| ▪ Trả nợ vay | 343.100.572.107 | 4.983.570.145 |
| ▪ Lãi vay | 16.733.498.694 | 7.663.526.823 |
| <i>Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP</i> | | |
| ▪ Bán hàng hóa | 458.910.160 | - |
| ▪ Mua dịch vụ | 17.437.702.431 | 16.197.371.699 |
| Tổng Giám đốc | | |
| ▪ Tiền lương và thưởng | 1.294.524.745 | 1.042.970.535 |
| Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên khác thuộc Ban Tổng Giám đốc | | |
| ▪ Tiền lương, thù lao và thưởng | 5.732.529.520 | 5.971.131.357 |

39. Các khoản tiềm ẩn

Theo Nghị định số 20/2017/NĐ-CP (“Nghị định 20”) ban hành ngày 24 tháng 2 năm 2017 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, tổng chi phí lãi vay phát sinh trong năm được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) không vượt quá 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay và chi phí khấu hao trong năm. Trong năm, Tổng công ty và các công ty con có phát sinh giao dịch thương mại với bên liên kết nhưng không có khoản vay với bên liên kết không phải là ngân hàng thương mại. Tuy nhiên, hiện có những diễn giải khác nhau về việc quy định của Nghị định 20 có áp dụng hay không trong trường hợp doanh nghiệp có giao dịch thương mại với bên liên kết nhưng không có khoản vay với bên liên kết mà chỉ phát sinh chi phí tiền lãi trên khoản vay từ các bên không phải là bên liên kết. Theo diễn giải của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty và Ban Giám đốc các công ty con, quy định này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty và các công ty con không phát sinh chi phí lãi vay với bên liên kết không phải ngân hàng thương mại. Tuy nhiên việc có hay không áp dụng quy định này trong trường hợp Tổng công ty và các công ty con không phát sinh chi phí lãi vay với bên liên kết phụ thuộc vào quan điểm của cơ quan thuế mà hiện tại Tổng công ty và các công ty con chưa nhận được hướng dẫn cụ thể. Tại ngày của báo tài chính này việc diễn giải phạm vi áp dụng của quy định nêu trên được xem là tiềm ẩn yếu tố không chắc chắn. Do vậy Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty không điều chỉnh ảnh hưởng của chi phí lãi vay có khả năng không được trừ, ước tính cho năm 2019 là 16.224 triệu VND khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (2018: 9.650 triệu VND). Nếu khoản chi phí lãi vay này được kết luận chính thức là không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp thì thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc cùng ngày sẽ cùng tăng lên một khoản là 16.224 triệu VND (2018: 9.650 triệu VND).

40. Số liệu so sánh

Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước tháng 5 năm 2019. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

| | Theo báo cáo trước đây VND | 1/1/2019 Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước VND | Đã điều chỉnh lại VND |
|-------------------------------------|----------------------------------|--|--------------------------|
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 1.961.352.729.856 | 435.648.290 | 1.961.788.378.146 |
| Hàng tồn kho | 1.139.019.474.211 | 80.670.541 | 1.139.100.144.752 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 4.832.033.341 | 716.146.093 | 5.548.179.434 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 77.543.823.932 | (101.967.001) | 77.441.856.931 |
| Tài sản cố định hữu hình | 673.432.550.856 | 9.161.442.871 | 682.593.993.727 |
| <i>Nguyên giá</i> | <i>1.274.890.507.172</i> | <i>9.026.356.435</i> | <i>1.283.916.863.607</i> |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | <i>(601.457.956.316)</i> | <i>135.086.436</i> | <i>(601.322.869.880)</i> |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 162.641.748.723 | (1.019.670.011) | 161.622.078.712 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 166.941.510.806 | (5.270.984.131) | 161.670.526.675 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 1.140.134.079.457 | (1.121.637.012) | 1.139.012.442.445 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 32.685.436.264 | 7.691.609.646 | 40.377.045.910 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 18.306.722.614 | 809.205.356 | 19.115.927.970 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 154.045.693.885 | (3.377.891.338) | 150.667.802.547 |
| <i>LNST chưa phân phối lũy kế</i> | | | |
| <i>đến cuối năm trước</i> | <i>1.055.481.060</i> | <i>1.003.125.616</i> | <i>2.058.606.676</i> |
| <i>LNST chưa phân phối năm nay</i> | <i>152.990.212.825</i> | <i>(4.381.016.954)</i> | <i>148.609.195.871</i> |

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

| | Theo báo cáo trước đây VND | 2018 Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước VND | Đã điều chỉnh lại VND |
|--|----------------------------------|--|--------------------------|
| Doanh thu bán hàng | 6.436.325.017.954 | 396.043.900 | 6.436.721.061.854 |
| Giá vốn hàng bán | 5.562.567.838.945 | (2.895.573.817) | 5.559.672.265.128 |
| Chi phí tài chính | 111.220.124.566 | 564.452.084 | 111.784.576.650 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | <i>85.633.635.141</i> | <i>809.205.356</i> | <i>86.442.840.497</i> |
| Chi phí bán hàng | 489.928.882.606 | 1.783.335.035 | 491.712.217.641 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 95.821.736.320 | 27.227.324 | 95.848.963.644 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 41.046.157.751 | 5.297.620.228 | 46.343.777.979 |

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

| | Theo báo cáo trước đây VND | 2018 Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước VND | Đã điều chỉnh lại VND |
|---|----------------------------------|--|--------------------------|
| Lợi nhuận trước thuế | 194.036.370.576 | 916.603.274 | 194.952.973.850 |
| Khấu hao và phân bổ | 64.373.247.239 | (135.086.436) | 64.238.160.803 |
| Chi phí lãi vay | 85.633.635.141 | 809.205.356 | 86.442.840.497 |
| Biến động các khoản phải thu | (349.347.623.583) | (333.681.289) | (349.681.304.872) |
| Biến động hàng tồn kho | (362.289.944.546) | (80.670.541) | (362.370.615.087) |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 385.687.061.919 | (460.224.271) | 385.226.837.648 |
| Biến động chi phí trả trước | (3.746.869.573) | (716.146.093) | (4.463.015.666) |

Ngoài những điều chỉnh nêu trên, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ngày 3 tháng 4 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc